NĂM THỨ TƯ — Số 147 Thứ năm 22 Juin 1944

TRI TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

* Tục-ngữ và Ca-dao — *Hoa-Bằng*
* Tục-ngữ Ta đối với Tục-ngữ Tàu và Tục-ngữ Tây (I) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Sức sống dân Việt-nam trong Ca-dao và Cổ tích (I) — *Ng.-đình-Thi*
* Chiến-sĩ Việt-nam qua các câu ca giọng hát — *Tiên-Đàm*
* Tiếng vang của non cao, rừng thẳm (I) — *Nhật-Nham*
* Ba thề phú, tỷ, hứng trong ca-dao — *Trúc-Khê*
* Cách chiêm-nghiệm và cuộc sinh-hoạt của người xưa theo ca-dao tục-ngữ — *Trịnh-như-Luân*
* Đời cô Việt-nữ qua mớ ca-dao — *Hải-Trân*

0$50

ĐẶC SAN VỀ

Tục-ngữ và Phong-dao

(TẬP THỨ NHẤT)

TỤC-NGỮ VÀ CA-DAO

HOA-BẰNG

TỤC-NGỮ, ca-dao (hoặc phong-dao), hai nguồn văn-chương rất phổ thông của đại-chúng.

Tục-ngữ, ca-dao, hai món di-sản rất quí của tiền-nhân để lại.

Tục-ngữ, ca-dao, hai kho tài liệu rất phong phú trong văn-học Đại Nam.

Tục-ngữ, ca-dao, hai đặc điểm của dân Việt, độc-lập cả từ hình-thức đến tinh-thần.

Trước khi nói đến cái hay, cái đẹp của tục-ngữ, ca-dao, tôi hãy định nghĩa và thuyết minh về chúng đã.

Thứ văn-chương bình-dân này, lúc mới ra đời, tất nhiên còn là những câu mộc-mạc, tự-nhiên, đơn sơ, ngắn-ngủi: ấy là tục-ngữ hoặc ngạn ngôn. Sau dần tiến theo thời-gian, bấy giờ mới xuất hiện những câu văn-hóa, bóng-bẩy: ấy là phong dao hoặc ca-dao viết bằng lối lục bát hoặc lục bát biến thể.

Vậy có thể nói Tục-ngữ đẻ trước Phong-dao.

Tục-ngữ là một thứ vận văn không hạn số chữ, có vần ở *chân* hoặc ở *lưng* trong một hay hai câu không chừng, nhưng không bó buộc tất phải vần bằng, hoặc tất phải vần trắc. Nó ra đời từ lúc mới có dân-tộc này. Lâu ngày nó tiêm-nhiễm vào phong-tục, nhuần-thuần khắp dân gian.

Đặc tính của tục-ngữ là đem những điều đã kinh-nghiệm về thiên thời, về nhân sự, về thế-thái, về tục tình, về cách xử kỷ, về phương tiếp vật mà nêu lên những bài học thuộc phạm-vi nhân-sinh, phong-tục, luân-lý, đạo-đức... tùy theo trình-độ và hoàn-cảnh từng thời-đại.

Đặc-tính của ca-dao là khoác cái hình-thức văn-chương bình-dị và thiết-thực mà trau-giồi cái ý-tứ bóng-bẩy, tư-tưởng thâm-trầm, khiến cho người nghe dễ lĩnh hội vì lời văn nhẹ nhàng giản-dị, tiện ghi-nhớ vì âm-vận gieo-giắt và nhạc-vận du-dương.

Có lúc Ca-dao đóng vai sử-thần ghi-chép những sự-biến đã xảy ở trong triều hay ngoài nội.

Có lúc Ca-dao đội mũ con trái, đàn-hặc những cái bất công, phi-pháp gây bởi những hạng người tham nhũng, thiên-tư, ích-kỷ.

Có lúc Ca-dao, với ngòi bút trào-phúng, mai-mỉa những chuyện nhố-nhăng, lố-bịch và đáng tức cười của bọn vô-tài, đốt nát, biếng-nhác, giả-dối, hoặc « học làm sang »...

Có lúc Ca-dao lại làm thầy đời dạy người ăn ngay, ở thẳng, tránh dữ, làm lành...

Ngoài những tính-cách « vì nhân-sinh » ấy ra, Ca-dao còn là một tay say-sưa cái Đẹp, đủa bỡn chữ Tình nữa.

***

Trong *Kinh Thi* có cắt nghĩa về phong-dao như vầy:

« 風者民俗歌謠之詩 *Phong giả dân tục ca-dao chi thi* » (1) (nghĩa: *Phong là thơ của dân tục ca dao*).

Lại nói: « 凡詩之所謂風者多出於里巷歌謠之作所謂男女相與詠歌各言其情者也 *Phàm thi chi sở vị phong giả đa xuất ư lý hạng ca-dao chi tác, sở vị nam nữ tương dữ vịnh ca, các ngôn kỳ tình giả dã* » (2). (Nghĩa: *Phàm những thơ nào gọi là phong phần nhiều đều là những bài ca dao phát ra ở nơi làng quê, ngõ xóm, tức gọi là những câu nam nữ cùng nhau ngâm hát, ai nấy bày tỏ cái tình của mình*).

Mà *Từ-nguyên* của Tàu cũng giải nghĩa hai chữ « phong dao » rằng: « phong-dao là lời ca-dao về phong-tục, tức là cái nghĩa người xưa bày thơ để xem xét phong-tục dân gian » (xem bộ « phong », trang 1635).

***

Trước khi muốn biết phong-dao của ta có chịu ảnh-hưởng hay đối lập với *kinh Thi* là một tổng tập thi ca đời xưa của Trung-hoa thế nào, ta nên ngó sơ toàn bộ *kinh Thi* Tàu một chút. Nội-dung sách này chứa những câu ca, bài hát ở nơi thôn-dã, chốn triều-đình.

Tất cả có 300 bài thơ phần nhiều là lối tứ ngôn hết. Tuy thỉnh thoảng cũng có một đôi câu hoặc ba, hoặc năm, hoặc sáu, hoặc bảy, hoặc tám, hoặc chín chữ xen vào trong khoảng những câu tứ ngôn, nhưng đó là số rất ít.

Viết trong *Thế giới văn minh sử* (3), nhà học-giả Cao sơn-Lâm Thứ-lang có phê bình về *kinh Thi* của Tàu rằng: «*Kinh Thi* là món văn học rất cổ của Trung-quốc... Phủng, vịnh, ta, thán, lưu-lộ tình-tình người ta một cách tự-nhiên. Đọc suốt 300 thiên, thấy lối thơ thuần-túy trữ-tình thì rất ít, nhưng lối thơ ngụ ý dạy-đỗ thì nhiều...» (4)

***

Tụy có chịu ảnh-hưởng ít nhiều của *kinh Thi* Tàu, phong-dao ta vẫn giữ được nhiều tính cách độc-lập cả về hình thức lẫn tinh-thần của nó.

Trước hết hãy xét về hình-thức.

Ca-dao có thể nói, là tổ lối văn lục bát. Mà thể lục bát lại là lối văn đặc biệt của dân-tộc này.

Có người bảo: thể lục bát của ta là tổ thuật ở câu này trong kinh Dịch:

« Lục tam: hàm chương, khả trinh
Hoặc tòng vương sự, vô thành, hữu chung » (5).

Nhưng, nói cho đúng, câu *kinh Dịch* ấy có phải đọc theo lối « lục sát dưới tam » như người ta đã khiên-cưỡng ấy đâu. Thực ra, phải chấm câu như thế này: « *Lục tam: hàm chương, khả trinh; hoặc tòng vương sự: vô thành, hữu chung* » 六三含章可貞或從王事无成有終 Nghĩa là hào Lục-tam trong quẻ Khôn có cái tượng như người làm bầy tôi, biết ngậm giấu cái đẹp để rõ ràng thì có thể giữ được bền vững. Hoặc khi làm việc cho vương-thượng, không dám đương lấy cái thành công, chỉ giữ trọn đạo cho có cuối-cùng.

Câu văn một mạch liên lạc như thế, quyết không thể cắt ra làm hai câu trên sáu dưới tám để ép nó vào thể lục bát được. Vả, suốt trong các từ-điển Tàu không có quyển nào cắt nghĩa đến cái danh từ « lục bát văn thể » hoặc « lục bát thi thể » gì cả. Đủ biết thể « lục bát » trong văn ca-dao ta hoàn toàn là sản-phẩm của xứ sở, rành rành là màu-sắc đặc-biệt do dân Đại Việt sáng-chế, chứ không hề mô-phỏng của Tàu bao giờ. Cái thuyết người xưa bảo thể lục bát của ta là tổ-thuật trong Kinh, Truyện Tàu rồi dẫn chứng bằng câu Kinh Dịch trên và câu bài Tung dang này

« Phù thủy nhất thược chi đa,
« Cập kỳ bất trác, ngoan, đà, giao, long.. » (6)

nếu không phải tốt để « lấy lòng » người Tau cho được việc trong một chốc lát, thì cũng là suyên tạc bất kinh. Vì nếu một lối văn Tàu đã có ảnh-hưởng lớn đến ngoại quốc như thế, không lẽ chính-tông của Tàu lại chỉ vỏn-vẹn có hai câu trong Kinh Truyện ấy thôi? Vả, sao sau hai câu trong Kinh Truyện ấy, trên trang văn học sử Trung-hoa không ta thấy lục bát nảy nở rồi phát-đạt? Mà chẳng những không nảy nở, không phát đạt, ngay đến trên thi đàn Tàu không hề thấy bóng một nhà văn Tàu nào làm đại biểu cho thể văn đó. Thế nghĩa là họ không biết tới nên không viết đến. Vậy ta nay không nên nệ theo người xưa mà khẳng nhận thể lục bát trong ca-dao là tổ thuật trong Kinh, Truyện của Tàu được. Nay phải dứt khoát nói rõ: *Ca-dao là tổ lối văn lục bát, mà lục bát là một lối đặc-biệt thuần túy việt-văn.*

***

Ca-dao tục ngữ của ta chẳng những có cái hình-thức độc lập khác hẳn văn-thể Tàu như thế, mà cả về mặt tinh thần đã ít có chịu ảnh-hưởng ít nhiều của Trung-hoa, nhưng chung-quy vẫn giữ được cái bản-tính, cái đặc sắc của nó.

Trừ một vài câu có họ hàng, có cội-gốc ở trong văn Tàu hoặc ta và Tàu có chỗ không hẹn mà gặp nhau ra, Tục-ngữ Ca dao của ta muốn tỏ mình đây có sở đắc về tinh thần, độc lập về tư tưởng lắm khi dựng riêng lá cờ tự chủ ở trên địa hạt quốc văn, không chịu nô-lệ tư-tưởng người Tàu, mà thỉnh-thoảng lại phản-đối những món văn-hóa ngoại-lai là khác nữa:

Tàu xưa rất mê tín địa-lý, coi mồ « trốc long tầm hổ » là cái thang đưa nhà « được mả » lên lâu đài công hầu khanh tướng, hưởng thụ những thú muôn tứ nghìn chung.

Nhưng phản đối cái tư-tưởng vô-ích và hành-vi vô ý thức, Ca dao lại lên tiếng:

« Hòn đất mà biết nói năng
« thì thày địa lý hàm răng chẳng còn ! »

(Xem tiếp trang 20)

(1) « Phong, Nhã, Tụng tổng thuyết » — Tăng bổ Thi kinh thể chú đẳn nghĩa hợp tham. — Truyện tự, tờ 29 a — Kim ngọc lâu tàng bản.

(2) « Thi kinh truyện tự » — Sách đã dẫn, tờ 30.

(3) Nguyên thư bằng hòa văn, Thượng hải Thương vụ ấn thư quán dịch ra hán văn.

(4) Bản thứ hai, chương thứ hai, tờ 16 a.

(5) Dịch kinh đại toàn, quyển 2 tờ 9 a.

(6) Sách « ..g ao long .. » có hai chữ « Ấ ... » nữa.

TỤC NGỮ TA

đối với Tục-ngữ Tàu và Tục-ngữ Tây

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Về thời chữ nho, đã nhiều người lượm-nhặt những câu phương-ngôn tục-ngữ chép thành sách nửa nôm, nửa chữ, như quyển *Nam phong giải trào* của Trần Liễu-am (nhị-giáp tiến-sĩ tên là Trần-danh-Án, đỗ năm 1787) và Ngô Hạo-phu (đỗ giải-nguyên khoa 1819, tên là Ngô-đình-Thái) dịch câu tục-ngữ của ta ra thơ chữ nho, theo lối Kinh Thi, mỗi bài lại giảng nghĩa bằng chữ nho, nghe đâu còn ván khắc, Liễu-văn đường in lại năm 1910. Lại như quyển *Nam quốc phương ngôn tục ngữ bị lục* của hiệu Quan-văn đường in năm 1914; quyển này chia ra từng mục, chép được nhiều câu phương-ngôn tục-ngữ, trên chữ nôm, dưới quốc-ngữ, nhưng không giải nghĩa.

Riêng về chữ nôm và chữ nho, trường Bác-cổ sao được mấy quyển sau này: *Quốc phong thi hợp thái* (số sách AB 182) *Quốc phong thi diễn ca* (số sách AB 335.): hai quyển đều của Mộng Liên đình Ưy-lượng soạn ra, dịch tục-ngữ ta ra thơ chữ nho theo lối Kinh Thi, và giảng nghĩa bằng chữ nho, trong tập có chia ra từng tỉnh, như Thừa thiên, Lạng-sơn, Tuyên-quang, Sơn tây v.v., có đủ ba nhà phê-bình, là: Đoái-bộc-khanh Đỗ Giám-hồ, Cao-Trường Mạ Thúc-trinh, Tiến sĩ Nguyễn Tuân phủ; — *Đại-nam quốc tuý* (số sách AB 178) của Ngô Giáp-Đậu đỗ Cử-nhân năm 1891, làm đến đốc-học tỉnh Bắc-ninh chép ra, chia làm hai tập: tập trên hơn một nghìn tám trăm câu phương-ngôn tục-ngữ, tập dưới được hơn sáu trăm câu ca-dao; tập tục-ngữ lại chia ra từng mục, như mục văn học, mục răn đời, v. v., kể ra xứng đáng với tên « quốc-tuý Đại-Nam »; — *Nam-phong nữ-ngạn thi* (số sách AB 343) của Trần Liễu-am và Ngô Hạo-phu, cũng dịch tục-ngữ ta ra thơ chữ Hán theo lối Kinh Thi; — *Tục ngạn tập-biên* (số sách AB 604) không rõ của ai, góp từ câu bốn chữ đến câu tám chín chữ. Còn vài quyển nữa, như quyển *An-nam phong-thổ hoại* của Trần-tất-Văn, *Việt-nam phong sử* của Nguyễn-văn-Mại, v. v., nhiều người đã biết, thiết-tưởng không phải kể hết cả ra đây.

Sách quốc-ngữ thì nhiều lắm, có quyển *Tục ngữ an-nam dịch ra tiếng tây* của Triệu Hoàng Hòa (V. Barbier), G. Cordier (*Essai de parémiologie*), Julien (*Cours de langue annamite*), v. v., *Gương phong tục* của Đoàn-duy-Tỉnh, *Tục ngữ phong-dao* của Nguyễn văn Ngọc, v. v., đều là tài-liệu giúp ích cho những người biên khảo về tiếng nước nhà.

Tục-ngữ với phương-ngôn, ngạn-ngữ với tục-ngạn khác nhau thế nào, cách-ngôn với châm-ngôn có giống nhau không, những quyển trên kia chưa quyển nào nói tới; có lẽ cho rằng ai cũng hiểu, không phải giảng; nhưng xét cho kỹ, cũng có chỗ hơi khác nghĩa, nên tôi tạm giảng dưới này.

Nhân tiện tôi lấy câu tục-ngữ của ta so với câu tục-ngữ của Tàu và tục-ngữ của Tây, là việc xưa nay chưa ai làm. Ý tôi là đối chiếu tục-ngữ nước nọ với tục-ngữ nước kia, chứ không phải dịch ra chữ nho hay chữ tây như những sách đã in; và cũng không dám nói là giải nghĩa, vì nghĩa rộng lắm, có câu 2, 3 nghĩa, có câu 4, 5 nghĩa mà cũng chưa chắc là đủ.

Trong khi đối chiếu thì tôi nhận thấy rằng: tục ngữ ta với tục-ngữ tàu có nhiều câu giống nhau như đúc; có nhiều câu chính là tục-ngữ của Tàu, rồi dần dần hóa làm tục-ngữ của ta, như câu « Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên » nghĩa là định việc ở người, thành việc ở giời, tức là câu « Khôn cũng chẳng khỏi giời », và câu « Người trù-định, giời quyết-định » (L'homme propose, le Ciel dispose).

I. *Tục-ngữ.* — *Ngạn-ngữ.* — *Tục-ngạn.*

Tục-ngữ là câu thành-ngữ, nói đã quen trong thế-tục; nhiều câu nghĩa-lý thâm-thúy ý-tứ cao-xa; câu nào từ đời xưa truyền lại gọi là ngạn-ngữ, cũng có khi gọi là tục-ngạn. Nhưng dù là ngạn-ngữ tục-ngữ hay tục-ngạn, thì nghĩa cũng gần giống nhau. Thí dụ: câu « nước chảy đá mòn », tục-ngữ tàu là « thủy trích thạch-uyên » nghĩa cũng như câu của ta, ý nói đá tuy dắn-chắc, mà nước chảy mãi cũng phá mòn, tục-ngữ tây là « La lame use le

fourreau », nghĩa là « Lưỡi gươm làm mòn vỏ » nghĩa bóng là lo-nghĩ nhiều thì sinh bệnh. Câu chữ tây ấy giống với câu « Tài-tử bệnh đa » nghĩa là người tài-tử thì nhiều bệnh. — Câu « Lửa cháy đổ thêm dầu » tục ngữ tàu là « Hỏa thượng thiêm du », tục ngữ tây là « Jeter de l'huile sur le feu » : cả ba câu cùng một nghĩa. — Câu « Trông mặt bắt hình dong », tục ngữ tàu là « Hữu chư trung tất hình chư ngoại » nghĩa là « Có ở trong tất hiện ra ngoài », tục-ngữ tây là « On connaît l'arbre à son fruit », nghĩa là « Trông quả biết cây ». — Câu « Nói thật mất lòng » tục-ngữ tàu là « Trung ngôn nghịch nhĩ » nghĩa là « nói thẳng trái tai », tục-ngữ tây là « Il n'y a que la vérité qui offense » nghĩa cũng giống như thế. — Câu « múa rìu qua mắt thợ » tục-ngữ tàu là « Ban môn vũ phủ » nghĩa là múa rìu ở cửa thợ Ban » : Thợ Ban nước Lỗ là người thợ khéo đời Xuân-thu, hiện ta còn cái thước gọi là thước Lỗ-Ban để đo làm nhà cửa, tức là Lỗ Ban ấy ; tục-ngữ tây là « Bác thợ giầy chớ đi lạc ra ngoài chiếc giầy » câu này do chữ latinh là « Ne sutor supra crepidam » (Que le cordonnier ne s'aventure pas au delà de la chaussure) : nguyên có một họa-sĩ vẽ bức tranh trong có chiếc dép, một người thợ giầy chê chiếc dép, rồi lại toan chê chỗ khác, nên họa sĩ nói câu ấy, ý bảo người ta không nên xét việc quá sức mình. Câu này giống câu « Cách hành như cách sơn » của tàu nghĩa là cách một đường đi như cách ngọn núi, ý nói mỗi người mỗ nghề (A chacun son métier). — Câu « Đèn nhà mấy dạng » chữ tây là « Thắp đèn phản chiếu », tục ngữ tây là « La lampe de chacun éclaire sa maison » : ba thứ tiếng mà nghĩa giống nhau. — Câu « Được đàng chân lân đàng đầu », tục-ngữ tàu là « Nhân dục vô nhai » nghĩa là « Lòng dục người ta, không bờ bến », tục-ngữ tây là « Laissez leur prendre un pied chez vous, ils en auront bientôt pris quatre » đại khái nghĩa là : Hễ chúng vào được một chân, thì chúng vào ngay cả người. — Câu « Cá nhớn nuốt cá con », tục ngữ tàu là « Cường thực nhược nhục » nghĩa là giống mạnh ăn thịt giống yếu », tục-ngữ tây là « Les gros poissons mangent les petits », nghĩa cũng như câu của ta. — Câu « Bụng làm dạ chịu », tục-ngữ tàu là « Sảng-khẩu-vật hành ư tác tật » nghĩa là « Những đồ ngon miệng hay sinh bệnh », tục ngữ tây là « Quand le vin est tiré, il faut le boire », nghĩa là « Rượu đã lấy ra thì phải uống », cùng nghĩa với câu « Đã trót thì phải trét ». — Câu « Tốt danh hơn lành áo », tục-ngữ tàu là « Bất xỉ tệ-y » nghĩa là « Không xấu hổ mặc áo rách », tục-ngữ tây là « Bonne renommée vaut mieux que ceinture dorée », nghĩa là tiếng tốt còn hơn dây lưng vàng. — Câu « Khi vui thì vỗ tay vào, đến khi hoạn nạn (lỗ ngật) thì nào thấy ai », tục-ngữ tàu là « Bần cư trung thị vô nhân vấn, phú tại sơn lâm hữu khách tầm », nghĩa là « Nghèo ở giữa chợ không ai hỏi, giàu ở núi rừng có kẻ tìm » câu này đã hóa ra tục-ngữ ta, hiện nay ta thường đọc như trẻ, nhưng xem đến sách thì có khác một vài chữ như sau : « Bần cư nhân vô nhân thức, phú tại thâm sơn hữu viễn nhân tầm » (Minh-tâm tờ 42 b) nghĩa là « nghèo ở giữa chợ, đông người mà không ai biết, giàu ở chỗ núi thẳm sâu, mà cũng có người xa đến nhận họ-hàng » ý cũng giống với tục-ngữ tây là « On adore plutôt le soleil levant que le soleil couchant », nghĩa là « Người ta thích mặt giời mọc hơn là mặt giời lặn », và câu « Donec eris felix, multos numerabis amicos, tempora si fuerint nubila, solus eris », nghĩa là « Hễ anh còn sung-sướng thì nhiều bạn hễ giời vần mây thì chơ chơi một mình ».

Đấy là vài câu tục-ngữ hoặc ngạn-ngữ chép làm thí-dụ. Thường chia ra hai thứ = một thứ chung cho cả các xứ gọi là « tục-ngữ » ; một thứ riêng về một vùng hoặc một việc, gọi là « phương-ngôn ».

II, *Phương ngôn*

Hai chữ « phương-ngôn », Tàu với ta giảng nghĩa khác nhau. Bên Tàu thì cho phương-ngôn là tiếng thổ-tục, quen dùng ở một địa-phương, không thông-dụng ra nơi khác, như người Giang-đông bên Tàu gọi « yêu » là « thương », (bên ta ở Trung-kỳ và Nam-kỳ cũng gọi yêu là thương), người Nhữ-nam gọi « giận » là « não », v. v. Thế là theo nghĩa của Tàu phương-ngôn là lời nói từng phương. Bên ta thì cho phương-ngôn cũng như tục-ngữ, như cách ngôn, nghĩa là lời nói có « phép », tức là phương-pháp ; bên Tàu thì cho chữ phương là phương hướng. Nhưng cũng vì tục ngữ của ta, cũng chia ra từng phương, nên các bậc tiền nho chép những câu tục ngữ, xem ở tác-giả quyển *Quốc phong-thi* ấy mà ra từng tỉnh.

Xem tiếp trang 8)

Nói tại nhà hát lớn Hà-nội ngày 5-5-1944

SỨC SỐNG DÂN VIỆT NAM TRONG CA-DAO VÀ CỔ-TÍCH

NGUYỄN-ĐÌNH-THI

Thưa các ngài
thưa các bạn.

Trong văn học Việt-nam hiện nay đang nổi một khuynh hướng quay về cũ rất mạnh mẽ. Sau một thời kỳ hoang mang trên những con đường xa lạ, kẻ học nước ta thấy rằng chỉ có thể tiến nhanh khi có một khởi điểm chắc chắn, chỉ có thể phát triển rộng rãi trên cái gốc rễ của mình. Nên khắp nơi luôn luôn vang dội những tiếng kêu gọi quay về với tinh thần Việt-nam, tìm kiếm tinh thần Việt-Nam, và nói viết tiếng Việt-nam cho thuần tuý.

Công cuộc dân-tộc-hóa mỗi ngày được hưởng ứng một thêm nhiệt thành, tuy vẫn chưa đem đến cho chúng ta được tia sáng nào thực rõ rệt. Cuộc hội chuyện của chúng tôi ngày hôm nay chính có mục đích là muốn góp một phần nhỏ bé và thô sơ vào việc đi tìm ánh sáng ấy.

***

Nói tinh thần Việt-nam dễ, định rõ tinh thần Việt Nam mới là khó. Nhưng đó mới là việc cần. Chưa đồng ý với nhau về nội dung tinh thần dân tộc, những kẻ học nước ta chưa thể góp sức được hiệu quả vào một công cuộc kiến thiết nào lâu dài và rộng lớn đôi chút.

Song muốn tìm hiểu tinh thần Việt-nam, thực là khó. Nước nào cũng vậy, trong lịch sử, đã phải đụng chạm với nhiều nền văn hóa bên ngoài và chịu ảnh hưởng sâu xa nhiều hay ít của những dân tộc khác. Nếu không tinh ý, ta dễ nhận lầm những ảnh hưởng bậu thiên ấy làm tinh thần tiên-thiên của dân tộc mình.

Vì vậy, ta mới thấy nhiều điều nhận xét vội vàng trong giới văn học hiện đại. Chẳng hạn có một nhà văn, (Vũ ngọc Phan : *Trên đường nghệ thuật*), khi tìm đặc tính văn chương Việt-nam, đã bạo đoán rằng đặc tính ấy là buồn. Điều nhận xét của ông ta, theo ý chúng tôi, là một điều lầm, và không nhẹ lầm mà còn tai hại. Tai hại vì nó dễ dẫn đến những tư tưởng bi quan, và dễ đẩy bọn thanh niên vào những quan niệm nghi ngờ hèn yếu, mà không biết rằng những quan niệm ấy chỉ là đồ nhập cảng muộn của ngoại quốc.

Nền văn hóa nước ta xưa là công trình của lớp người nông tang. Vì vậy, muốn hiểu tinh thần Việt-nam, không thể đem riêng cái văn chương thượng lưu của một số ít nhà nho chịu khuôn khổ của Khổng giáo, Phật giáo, Lão giáo ra mà xét được. Làm môn đồ của Thích Ca và Lão Đàm, họ chán đời là lẽ tự nhiên. Vâng theo tam cương ngũ thường của Nho-giả, họ « luận lý », họ tôn ti, họ phục tòng cũng không có gì lạ! Nhưng, cũng chính vì họ là học trò người ngoài như thế, nên không thể xứng đáng làm đại biểu cho tinh thần dân tộc thuần tuý được. Muốn biết tinh thần Việt-nam chân chính, muốn hiểu rõ cái nguồn sống chảy trong mạch máu dân tộc chúng ta, phải tìm đến văn chương của *dân chúng*, tuy bình dị, nhưng thực biểu lộ được ý nghĩ, tình cảm và hành động của mọi người. Nền văn-chương đại chúng đó, khi đã thành hình là ca dao, khi chưa thành hình là cổ tích vậy.

***

1) *Ca dao dân chúng* riêng về phương diện *hình thức*, cũng đã xứng đáng mang tên Việt-nam, vì thể văn ca dao là một thể văn thuần Việt-nam, không mượn niêm luật ở ngoại quốc. Thực vậy, thể lục bát với những biến thể của nó, trong cách gieo vần, xếp thanh, là của riêng người nước ta tạo ra và cũng hợp riêng với tiếng nói nước ta cũng có thể nói rằng riêng thể thơ đó phù hợp với tâm hồn chúng ta hơn cả nữa.

Ta thử nghe :

« Bước lời đèo ngang, bóng xế tà.
Cỏ cây chen đá lá chen hoa,
Lom khom dưới núi tiều vài chú.
Lác đác bên sông chợ (hoặc mấy)

Nhờ nước đưa long cạn cuốc cuốc-
Thương nhà mỏi miệng cái gia-gia
Dừng chân đứng lại : trời, non, nước
Một mảnh tình riêng ai với ai.

s Hành thới quen thuộc phải nhiều, dã nhiều, những vẫn không giảm điệu nhịp nhàng êm ái. Nó đáng là đại biểu cho lối thơ thượng lưu cũ. Nhưng nhược của nó vẫn kém trầm bổng và nhịp của nó vẫn kém thay đổi, không đủ được biến những khả năng của tiếng nói nước nhà.

Trái lại, trong một bài lục bát câu dài ngắn khác nhau, vần trong câu xen lẫn với vần cuối câu, tiếng lên tiếng xuống khiến cho những câu thơ nhạc điệu thay đổi được dễ dàng và nhịp nhàng, thưa, biến hóa dưới bút nhà thơ cũng được thêm nhiều cách:

Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa!
Buồn trông ngọn nước mới sa:
Hoa trôi man mác biết là về đâu!
Buồn trông nội cỏ rầu rầu:
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh!
Buồn trông gió cuốn mặt ghềnh!
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi!

Điệu thơ, nhịp thơ, trong thể lục bát, lại nó dễ biến đổi hơn, và nghe êm ái rất hơn. Lát nữa, trong vở kịch do các bạn chúng tôi trình bày, các ngài sẽ thấy rõ những câu thơ lục bát nổi bật hẳn lên, dưới các câu thơ mới như thế nào. Cung nhờ hợp với tiếng Việt-nam như thế, nhà thơ có thể viết những truyện dài mấy ngàn câu lục bát mà không lúng túng, và không phải phạm luật thơ. Trái lại, ta có thể thấy cái viết nổi một bài thơ dài được mấy ngàn vần thất ngôn dù là phỏng theo Đường-luật hay là thất ngôn cổ thể, ngày là biến vận, biến điều. Có được một vài bài trường thiên dài một vài chục câu thì cứ đọc lên cũng cảm thấy rõ nỗi chật-vật của tác-giả. Dùng một hình ảnh hơi táo bạo, tác có thể ví những lối thơ phỏng Trung-hoa, như một cái bình phẩm lê, để tô điểm, để đẹp, nhưng không sao chứa nổi một tâm-hồn rộng rãi, không sao đủ cho sức lôi cuốn của cả một dòng sông. Thơ lục bát, trái lại, hợp với tiếng nói nước ta hơn, nên có thể đựng được những nguồn cảm hứng tràn lan nhất, mà không phải tự phủ nhận, tự hủy bỏ một chút gì.

Thống-chế Pétain đã nói:

Bản chức vẫn hoài-niệm đến những người Pháp canh-dũng và can-cường trong cảnh-ngộ không may, luôn luôn tin-cậy vào vận-mệnh Tổ-quốc và cương-quyết bảo-tồn sự nhất-trí của Quốc-gia.

***

Ca dao vì là nguồn gốc của thể thơ lục bát nên đã là một giá trị Việt-nam rồi. Nhưng ngày nay, đối với ta, nó sở dĩ đáng trong, đáng bảo tồn, thứ nhất là vì *nội dung của nó. Tinh thần ca dao, ý nghĩa ca dao*, ấy mới là điều cần biết rõ, thấy rõ trong lúc ta đang tìm hiểu tinh thần Việt-nam.

Khi đứng về phương diện nội dung mà xét đến ca dao như vậy, ta thấy rõ điều này: *Cái tinh thần ca dao Việt-nam, trước hết, là một tinh thần ham sống, vui vẻ ham tranh đấu, lạc quan tin tưởng ở giống nòi tin tưởng ở thiên nhiên, tin tưởng ở tương lai.* Đó không phải mộ tư tưởng ủy mị chán đời sợ hoạt động lánh cuộc sống hoài nghi, hoài sợ hãi. Cái tinh thần ham sống của ca dao Việt-nam mới thực là tinh thần Việt-nam chân túy, chưa pha lẫn. Nó hiểu được cho sức sống của giống nòi chúng ta, trong những ngày còn đứng thẳng, còn đương mới mang, mà chưa cúi đầu.

Trải mấy ngàn năm tranh đấu trên lịch sử, giống ta đã lên xuống nhiều phen, tuy như nói Nguyễn-Trãi, nhiều lần «tuần kiệt như sao buổi sớm, nhân tài như lá mùa thu», nhưng hết «bĩ» rồi lại «thái», «thái» rồi lại «bĩ», cái nguồn sống sâu xa của giống nòi chưa bao giờ đến nỗi khô cạn. Sức sống đó luôn luôn biến hiện trong trăm ngàn thế cách khác nhau. Một trong những biểu hiện của sức sống giống nòi mạnh và nhiều giàu lắm thường thường, do dân chúng sáng tạo.

Mỗi hoàn cảnh dẫn đến một đường lối phấn đấu đặc biệt. Vì thế, muốn phân tích hết mọi cái phấn đấu của sức sống Việt-nam qua những câu ca dao, cần phải nhiều thời giờ, và nhiều lịch duyệt. Kẻ hậu sinh chúng tôi, tuổi trẻ, trí non, lại chỉ được ít thời-giờ hầu chuyện các ngài, nên chỉ dám

(Xem tiếp trang 18)

Muốn làm giàu mua vé số
Đông Pháp
Xổ một vé

Tục-ngữ Ta...

(Tiếp theo trang 5)

Thì dụ câu « Muốn ăn cá phải quăng chài » là câu nói của người ở gần bể; tục-ngữ tàu là « Lâm uyên nhi tiễn ngư, bất như thoái nhi kết võng » nghĩa là tới vực sâu khen cá, chi bằng về đan lưới; tục-ngữ tây là muốn ăn nhân phải đập vỡ hột (Il faut briser le noyau pour avoir l'amande). Người ở miền núi thường nói « Muốn ăn hết phải đào giun » cũng nghĩa như thế. — « Trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết » cũng là phương-ngôn, vì nói về miền thôn-dã, do chữ nho là « Ngưu lao dấu, nhi văn manh tễ », cũng nghĩa với tục-ngữ tây là bao giờ người bé cũng khổ về cái dại của người lớn (De tous temps, les petits ont pâti des sottises des grands). — « Nói như nước đổ đầu vịt » là phương-ngôn của người buôn gà buôn vịt; « nói như nước đổ lá khoai » là phương-ngôn của người giồng cây; tục-ngữ tàu cũng có câu « Thủy quán áp đầu », là nước giội đầu vịt, và câu « Như thủy ốc thạch » là như nước giội đá; tục-ngữ tây có câu « tiếng của kẻ kêu ở bãi sa-mạc » (Vox clamantis in deserto). — « Cả bè hơn cây nứa » là phương-ngôn của người đi buôn, cũng nghĩa với câu tục-ngữ « Chung nhau thì giàu, chia nhau thì khó »; tục-ngữ tàu là « Ngô, Việt giai huynh đệ; ý hợp tắc Ngô, Việt tương thân, ý bất hợp tắc cốt nhục vi cừu địch », nghĩa là người Ngô người Việt đều là anh em, hợp ý thì tuy người Ngô người Việt mà thân nhau, không hợp ý thì tuy là ruột thịt cũng hóa ra cừu thù; tục-ngữ tây là xum họp nhau lại thì thành sức khỏe (L'union fait la force), hợp lực thành thế-lực, tức như câu « Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao » (xem dưới này, ở mục *Tục-ngữ tàu*). — « Cũng toan cầm đuốc đốt giời, chẳng may cả gió tàn rơi vào đầu », tục-ngữ tàu là « Phiền-não giai nhân cường xuất đầu », nghĩa từng chữ là phiền-não tại cất đầu ép; tục-ngữ tây là phải phạt ở chỗ phạm tội (On est puni par où l'on a péché), sở-dĩ gọi là phương-ngôn là tại câu của ta nói riêng về một hạng người, như người gian-hùng. — « Tránh vỏ dưa, phải vỏ dừa, « Trách anh hàng phủ, lại gặp anh hàng mã » cũng vì lẽ ấy mà gọi là phương-ngôn; Tàu có câu « Chinh ly lang ca hựu phùng hổ khẩu » nghĩa là vừa thoát khỏi ổ con lang, lại gặp miệng con hổ »; Tây có câu ngã ở Charybde vào Scylla (Tomber de Charybde en Scylla). Nguyên chỗ eo bể Messine thường có gió cuốn những tàu qua lại, ngày xưa những tàu đi qua đấy thoát khỏi chỗ gió cuốn (charybde) thường vấp phải đá (Scylla); thế là vừa thoát khỏi chỗ nguy này lại bị phải cảnh khổ kia. Ca-dao của ta cũng có câu «...sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam-giang...». Truông là chỗ đất bỏ hoang thành rừng rậm, nhà Hồ tức là làng Hồ-xá ở phủ Vĩnh-ninh, tỉnh Quảng-trị, ngày xưa chỗ ấy thường có trộm cướp tụ họp, bóc lột người qua lại, có khi mất của hại người, nên ai cũng sợ. Phá Tam-giang ở về hạ lưu huyện Phong-điền, Quảng-điền, phủ Thừa thiên, khúc sông ấy nước rất sâu những thuyền qua lại phần nhiều bị đắm. Đến đời chúa Nguyễn-Phúc-Chú (1691 - 1725) sai Nội-tán Nguyễn - khoa - Đăng kinh-lý Hồ-xá, dẫn cây trong rừng, đặt phép nghiêm-cấm, dẹp yên trộm cướp người đi buôn được tiện lợi; lại khơi một con đường ở cạnh phá Tam-giang cho nước chảy ra sông, từ bấy giờ được yên sóng dữ, thuyền đi thuận tiện. Cho nên người bấy giờ có câu

TỦ SÁCH NGÀY MỚI
Đại Học thư xã trình bày
Sắp bán: **VĂN HỌC và TRIẾT LUẬN**
của bà Mộng Sơn viết
— Một phương pháp phê bình mới lạ — Một tinh thần mới lạ — Một cây viết đanh thép — Căn cứ vào biện chứng pháp, tác giả nghiên cứu về vấn đề phụ nữ trên thực trạng xã hội Việt Nam
Sắp xuất bản:
KHỔNG GIÁO với ÔNG ĐÀO-DUY-ANH
nghiên cứu của Nguyễn uyển Diễm
VIẾT và SỐNG của Nguyễn xuân Huy
Khái luận về tâm lý văn Học Hiện đại
Mới có bán: **MẸ TÔI** của Nguyễn khắc Mẫn
Chuyện viết rất chọn lọc — Giá 3$80
ĐẠI HỌC THƯ XÃ *181 Henri d'Orléans*
Giám-đốc: LÊ MỘNG CẦU

ca-dao rằng : « Thương anh xem cũng muốn vô, sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam giang ; phá Tam-giang ngày rày đã cạn, truông nhà Hồ, Nội tán cấm nghiêm ». — Câu « Chùa rách mà có bụt vàng », tục-ngữ Tàu là « nhân bất khả mạo tướng, hải bất khả đấu lương » nghĩa là « không nên lấy ngoài mặt xem người, không nên lấy đấu đong nước bể », tục-ngữ Tây là mặc áo hầu chưa hẳn đã là sư (L'habit ne fait pas le moine), tức là không nên xét bề ngoài : ba câu cũng một ý nghĩa.

III. Cách ngôn — Châm ngôn.

Tục - ngữ Ngạn - ngữ đều là những câu có đã lâu ; trong lại có những câu thuộc về luân lý như khuyên học, dạy con, sửa mình, răn đời, người Tây gọi là « Phổ-thông đạo-đức trong Ngạn-ngữ », tức là cách-ngôn và châm-ngôn. Cách-ngôn là những lời nói có phép-tắc, có thể dùng làm khuôn-mẫu cho mình hoặc cho người, Thí dụ : câu « Yêu cho vọt, ghét cho chơi », cũng có nơi đọc là « Yêu cho đòn, ghét cho ăn » đúng với câu tục-ngữ tàu « Liên nhi đa dữ bổng (phủng), tăng nhi đa dữ thực » nghĩa là thương con cho nhiều đòn, ghét con cho ăn nhiều, tục-ngữ tây là hễ yêu lắm là phạt nhiều (Qui aime bien châtie bien) câu « Trăm hay không bằng tay quen » chữ nho là « Bách năng bất như thủ thục », hai câu nghĩa in nhau ; tục-ngữ tây là đã từng-trải thì không cần khoa-học (Expérience passe science), ý nói kinh - nghiệm còn hơn học-thức, — câu « có công mài sắt có ngày nên kim », tục ngữ tàu là « ma chử thành châm » nghĩa là « mài chầy sắt thành kim », tục-ngữ tây là hết sức làm việc thắng cả mọi thứ. (Labor omnia vincit improbus). — Câu « Kiến tha lâu cũng đầy tổ », tục-ngữ tàu là « tích tiểu thành đại », tục-ngữ tây là dần dần chim làm được tổ (Petit à petit l'oiseau fait son nid), và câu nhiều suối thành sông (Les petits ruisseaux font les grandes rivières).

Châm ngôn là những câu có ý khuyên răn người đời chớ nên bắt chước, hoặc dạy bảo người phải nên tuân theo. Thí dụ câu « Ăn có nhai, nói có nghĩ » tục-ngữ tàu là « Thân tu trạch hạnh, khẩu tu trạch ngôn » nghĩa là sửa mình nên chọn nết, miệng nói nên chọn lời, tục-ngữ tây là nói nhiều quá thì hại, gãi nhiều quá thì đau (Trop parler nuit, trop gratter cuit), tức cũng như câu (Đa ngôn đa quá). — Câu « Trông người phải ngẫm vào ta » tục-ngữ tàu là « Tiên trách kỷ nhi hậu trách nhân » nghĩa là « Trước trách mình rồi sau bằng trách người », tục-ngữ tây là « Trước khi chê người quê mình thử nhìn ắm xem mình có ngay không (Avant de se moquer du boiteux, regarde si tu marches droit) : ba câu đều giống nghĩa nhau. — Câu « Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng » tục-ngữ tàu là « cận chu giả xích, cận mặc giả hắc » nghĩa là gần son thì đỏ, gần mực thì đen, tục ngữ tây là Anh nầy bảo tôi anh chơi với ai, tôi sẽ bảo anh là người thế nào (Dis moi qui tu hantes, je te dirai qui tu es). — Câu « Kéo buồm theo gió », tục-ngữ tàu là « Tùy Phong chuyển phàm » nghĩa là theo gió quay buồm, tục-ngữ tây là phải chở theo gió, (Il faut naviguer d'après le vent).

Những câu như thế có thể chép thành vài quyển sách, mà vẫn chưa thấm đã hết, cho nên ở Âu Mỹ phải đặt ra những hội để nghiên cứu tục ngữ cổ đạo : giả nước ta có nhiều người chịu khó sưu tập, thì may ra nhặt được hết lý-ngữ, ngạn-ngữ, đồng giao, phong dao, của đời trước, và bảo-tồn được cái kho quốc-túy vô giá này.

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN TỐ

Hộp thư

— *Ô. Ng. hữu Thích — Nhận được mandat rồi — Cám ơn.*

— *Ô. Phạm ngọc Dương — Quảng ngãi — Nhận được mandat 6$ hôm 20-5-44 — Cám ơn.*

Giới thiệu

Tri Tân vừa nhận được cuốn « *Vua cốt mìn và chiến cụ Alfred Nobel* » của ông Dương văn Mẫu gửi tặng và do C. I. P. I. C. xuất bản.

Bìa in mầu, có bức họa ông Nobel giá 2$20 dày 113 trang.

Đó là một cuốn sách thuộc loại « Tai mắt năm châu » do ông Mẫn biên soạn — Tác giả đã cố gắng khảo cứu một cách công phu về thân thế của Nobel.

Trong lúc khói lửa chiến tranh đang thiêu đốt biết bao triệu sinh linh, mọi người ai cũng cầu cho trông tới lúc hòa bình để an cư lạc nghiệp.

Nay cuốn sách về ông Nobel người sáng lập ra giải thưởng hòa bình quốc tế ra đời, tưởng cũng là một việc hợp thời và đáng chú ý vậy.

Xin thành thật cảm ơn ông Mẫn đã có nhã ý tặng sách và giới thiệu với độc giả.

TRI TÂN

CHIẾN SĨ VIỆT NAM

qua các câu ca, giọng hát

TIÊN ĐÀM

NƯỚC Việt ta từ khi mở nước, các triều đại lúc nào cũng chăm lo hai việc là Bắc cự để giữ nền độc-lập, Nam tiến để mở mang bờ cõi.

Vì thế, về binh-chế, thường theo chính-sách « ngụ binh ư nông », quân lính đều là trai tráng, khi nhà nước có việc lựa chọn tuyển lấy lính sung vào quân đội, thời thái bình lại cho một phần trở về làm ruộng.

Người chiến-sĩ Việt nam đã mấy thế kỷ, bao phen vào sinh ra tử ở các trận Khâm, Ung, Liêm, Bạch - đằng, Chi-lăng, Đống - đa, phần đông là con nhà làm ruộng, có cái tâm-hồn chất phác của kẻ nông-dân. Họ cảm động mỗi khi phải rời lũy tre xanh, bỏ đồng lúa vàng, ra đi vì việc quân-vương nhưng vẫn nặng lòng thê tử. Rồi một khi, xông pha khó nhọc, trèo đèo, lặn suối, nghe chim cây, trông vượn núi, họ không khỏi không nhớ quê hương, phần tử mà dễ sinh lòng chán-nản.

Nhưng được các nhà cầm quân đã có cái thuật biết người, biết cảm hóa những người trai chất phác, gây cho họ thành những trang nghĩa-sĩ dũ can-đảm, sẵn hi-sinh. Các ông tướng ấy đã mượn câu ca, giọng hát, gieo vào tâm hồn ngây thơ kia những tư tưởng trung-quân, ái quốc làm cho họ hăng hái tiến lên để trong đền nợ quốc-gia, ngoài giữ yên bờ cõi.

Bài thơ « Nam quốc sơn hà » ở đời Lý bài « hịch Tướng-sĩ » của Trần quốc-Tuấn, bài cáo « bình Ngô » của Nguyễn-Trãi, dịp « hát trống quân » tương truyền là lối quân trung tiêu-khiển của quân đội vua Quang-Trung, bài « Sãi vãi » của Nguyễn cư-Trinh phải chăng đã giúp cho chiến-sĩ Việt-nam thêm lòng dũng cảm, nghĩa hi-sinh, nên trên trang lịch-sử Việt nam tuy có phen đẫm máu mà nòi giống Việt-nam vẫn tồn tại vậy.

Năm Minh-mệnh thứ 15 (1834) thổ-hào Nùng văn-Vân nổi lên cướp phá miền thượng-du Bắc-kỳ, hai tỉnh Tuyên-quang Cao-bằng là nơi dân cư đang ở yên bỗng hóa ra bãi chiến-trường.

Triều-đình sai quan Tổng đốc quân vụ Lê văn-Đức, hợp với quan Tham-tán quân cơ là Nguyễn công-Trứ đem quân đánh dẹp. Trải bao nỗi gian-nan, khó nhọc, quân Triều-đình dùng mưu vây được Nùng văn-Vân trong rừng, dùng hỏa công đốt chết.

Một chiến công oanh liệt! Ông tướng thành công sẽ được trọng thưởng, nhưng bọn tỳ-hưu thì sao?

Bọn ấy đã gặp được quan Tham tán, một nhà nho lỗi lạc, đối với họ đầy tình cảm vì chính ông cũng đã nhiều phen vào sinh, ra tử, lặn suối, qua đèo, nên có cái nghĩa phụ tử chi binh, nhờ thế mà tan được giặc.

Phải chăng cũng quan Tham tán mày, khi qua một cái đèo giốc ở Tuyên-quang, nhìn lại đám quân-sĩ thấy lẫn cả người ái-thiếp, đã buột mồm mà ngâm vì cảm động:

Đành nhẽ bút nghiên mà kiếm mã
Thương ôi! kìm chỉ cũng phong trần!

Và lại vì sự khó nhọc chung đã nghĩ cho quân sĩ bài hát:

Cái cò lặn lội bờ sông
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ-non
Lộ diệc vũ trùng trung chi nhất (1)
Thương cái cò lặn-lội bờ sông,
Tiếng nỉ-non gánh gạo đưa chồng,
Ngoài nghìn dặm, một giời, một nước
Trông bóng nhạn bâng khuâng từng bước
Nghe tiếng quyên khắc khoải năm canh
Phận tép-tôm (2) ai nỡ rứt tình,
Ơn thủy-thổ phải đền cho vẹn (2) xóng
Trường tên đạn xin chàng bảo trọng,
Thiếp lui về nuôi cái cùng con,
Cao-bằng cách trở nước non
Minh trông trăng có quỷ thần a lộ
Sức bay nhảy một phen nằng nỏ (3),
Đa Yên-nhiễn (4) còn đó chẳng mòn,
Đồng hưu (5) rạng chép thể son
Chàng nên danh giá, thiếp còn trẻ trung
Yêu nhau khăng khít giải đồng.

Đọc bài hát trên, bạn đọc thử tưởng tượng trên con đường viễn thú, một thiếu-phụ đưa chồng, vai gánh gạo, mặt đăm đăm, lại thêm « nỉ non » tiếng

khóc thời người thiếu-phụ kia là đá cũng phải mềm; dã thế, nhìn ra bốn bề bát-ngát chỉ *một giời, một nước*, điểm vào đấy *bóng nhận bâng khuâng, tiếng quyên khắc-khoải*, phận làm trai, làm dân, cái tình *tép tóm* vợ chồng không sao rứt ra đi được nếu không phải *đền ơn thủy thổ* mà chàng cho là một phận-sự thiêng-liêng. Cảnh thật đáng thương mà tình nên trọng!

Song phụ-nữ Việt-nam tuy bịn rịn, buồn dầu, lúc chia tay cũng không phải là quên hết phận sự nào căn dặn chồng *sức bay nhảy một phen nâng nỏ*, nào *bảo trọng, trong trường tên đạn* để nàng yên lòng *lui về nuôi cại cùng con*, cái phận sự của một người nội trợ.

Rồi thăm-thẳm ngày xanh, chỗ *Cao bằng cách trở nước non* và *Cao-bằng xa lắm anh ơi!* nàng chỉ còn biết cầu khẩn mong *quỷ thần hộ* cho kẻ gối tuyết, nằm sương, quên nỗi gia-đình, dấn thân vì nước.

Mặc dầu thế, nàng vẫn chứa-chan hi-vọng cho chồng được giở về nào công ghi vào *đá Yên-nhiên*, nào tên chép vào *Thẻ son*, để khi ấy:

Chẳng nên danh giá, thiếp
còn trẻ trung.

Phú quý cùng hưởng cũng như ly-biệt cũng buồn!

Bài hát trên đã bao phen làm cho quân lính — nhất là lính thú Cao-bằng — quên nỗi nhớ nhà mà hăng hái, thẳng tiến vào nơi sào-huyệt của giặc.

Nhưng, than ôi! từ trước đến nay kẻ chiến-sĩ chỉ có đi mà ít khi về biết đâu những lũ trăng ngà, gió nội, người thiếu phụ ở chỗ quê nhà hẻo lánh đã nghĩ đến câu:

Hồn tráng-sĩ gió ù ù thổi
Mặt chinh phu trăng giỏi
giỏi soi,

rồi một mình, trong chỗ buồng the kéo dài ngày tháng, chờ mong tin báo tiệp:

Bao giờ bắt được giặc Khôi! (6)
Cho yên việc nước, chồng
tôi được về.

Cao-bằng! Cao-bằng! nơi biên viễn đã bao phen làm cho phụ-nữ Việt-nam buồn rầu lúc phân ly, khi tụ tán, còn gì cảm động cho người vợ lúc tiễn chồng ra đi mà thấy:

Ngang lưng thì thắt bao vàng,
đầu đội nón dấu vai mang
súng dài
một tay thì cắp hỏa-mai,
một tay cắp giáo quan sai
xuống thuyền,
thùng thùng trống đánh
ngũ liên,
bước chân xuống thuyền nước
mắt như mưa.

Lên đường đã vất-vả, lúc đến đồn thú lại càng quạnh-hiu. Đồn thú thường là một sơn-phòng hẻo-lánh chung quanh rừng núi bao la, đằng trước là địa giới Trung-quốc, còn mặt sau, nhìn lại quê nhà: sương lam mù mịt, nếu không có việc làm hằng ngày để khuây-khỏa thì đời người lính thú sẽ buồn tẻ; nhưng làm lính là bổn phận, phận «tôi con», ơn «đất nước» ai giám từ-nan:

Bao năm trấn-thủ lưu đồn
Ngày thì canh điểm, tối dồn
việc quan
Chẻm tre đẵn gỗ trên ngàn,
Hữu thân hữu khổ phàn nàn
cùng ai!
Miệng ăn măng trúc, mắng mai
Những giang cùng nứa lấy ai
bạn cùng!
Nước yêu trong con cá nó
vẫy vùng...

«*Con cá nó vẫy vùng*» là cái hoài bão của nam-nhi, nhất là một chiến sĩ, vì sinh ra ở đời — nhất là đời loạn — mà được «*vẫy vùng*» thanh gươm, yên ngựa, xông pha nơi mũi tên, hòn đạn, tìm cái vinh quang ở chỗ chiến trường, dù có phải chết nhưng chết vẻ vang cũng còn hơn cái chết già trong xó buồng tối.

Cho nên chiến sĩ thời nào cũng vậy, vẫn vui vẻ dấn bước lên đường, mặc dầu sự bận bịu bên lòng vì:

Chí làm trai dặm nghìn
da ngựa
Reo Thái-sơn nhẹ tựa
hồng-mao

Cảm động thay và thiết tha thay nhời người lính thú nhắn về cho vợ:

Ai lên xứ Lạng cùng anh,
Mà hồng đội lấy mặt xanh
mang về,

tuy có vẻ ngăn cản đừng lên cái «xứ Lạng» ma thiêng, nước độc làm gì, nhưng ngụ đầy một ý nhớ «*ai*» mà lại ai-ngại cho *ai* vì theo chồng mà nhan-sắc sẽ phôi-pha, tiều tụy!

(Xem tiếp trang 15)

1) Cò cũng là một giống trong các loài chim.

2) Nghĩa vợ chồng không thể rứt tình đi được. Nợ nhà nước phải lo báo đáp.

3) Nâng nỏ: Nỗ lực, đem sức lực cố gắng làm việc.

4) Đá Yên nhiên: Người Tàu khi đẹp xong Hung nô, khắc chiến-công vào đá núi Yên nhiên.

5) Đồng hưu: Ở chữ «dĩ quốc đồng hưu thích»: cùng nhau rớc cùng mừng cùng lo.

6) Giặc Khôi: Lê văn Khôi (?) làm loạn ở Nam kỳ

TIẾNG VANG CỦA

NON CAO, RỪNG THẲM

NHẬT-NHAM

BẤY lâu ta vẫn tự hào có một nền văn-hóa cố-hữu, có một kho ca-dao, tục-ngữ đầy đủ. Nhưng ta cũng không quên là cạnh ta, tại miền sơn cước, dân thổ trước vẫn có một cái tinh-thần đặc-biệt, một cái di-sản vô cùng quý-báu của tiền-nhân để lại về phong-dao, tục-ngữ.

Ca-dao, tục-ngữ là những tiếng vang dội của đáy lòng người thổ dân chất-phác.

Ca dao, tục-ngữ là một lối văn-vần tổ truyền, mộc-mạc, hồn-nhiên, đã vang ra từ nơi non cao, rừng thẳm, trên ròng sông, mặt suối, trong các thung-lũng cỏ nội xanh rì, trên đồng lúa bao-la bát ngát.

Ca dao, tục-ngữ mô-tả tính-tình người thổ trước, tiêu-biểu cho cả một đời nông-dân, vỗ-về khuyến-khích nông-dân trong cuộc sinh-hoạt trên mặt lúa hay giữa rừng cây thông ngất.

Ca-dao, tục-ngữ là những cân trào-phúng, mỉa mai những đôi phong hủ-tục, những hành-vi vô-nhân-đạo, vô-ý-thức của người rừng-núi.

Giọng nhẹ nhàng nhưng hùng-tráng, bình-dị nhưng sâu-xa, những câu ca-dao tục-ngữ đã giữ vững được cái tinh-thần đặc-biệt của một dân-tộc đã quen cảnh thanh-u của rừng rậm núi sâu, bạn với tiếng chim kêu, tiếng vượn hót, tiếng lá rụng xạc-xào, tiếng suối reo rác-rách!

Trải đời nọ qua đời kia, tại các miền sơn-dã, đã từng có các nhà văn bình-dân vô-danh hoạt-động một cách êm lặng đã hi-sinh biết bao tâm-lực để làm giầu cho cái kho ca-dao, tục-ngữ của dân rừng núi.

Dưới đây, tôi xin trình qua độc-giả một ít ca-dao, tục-ngữ của người thổ-trước, để các bạn lĩnh-hội các đặc-tính của dân miền sơn-cước.

Loài người vì lòng tham không đáy gây nên biết bao tấn tuồng bi-đát trên sân khấu doanh-hoàn. Người thổ lấy đàn kiến để tả cái bể thảm không bờ, không bến, đã làm cho người ta mất hết cả tính chân-như, mê man trong vòng danh-lợi.

Càng kin càng thai = Càng ăn càng chết,
Kin lải thai lai = ăn nhiều chết nhiều;
Thai thai tố kin = chết chết cũng ăn.

Mấy câu trên là một bức chân để khuyên loài người bớt lòng dục-vọng, để tránh những sự không hay cho đời mình.

Muốn răn những con nhà thiếu giáo-dục, không nghĩ đến gia-phong, làm những điều sằng bậy thương luân, bại lý để nhục đến tổ tiên, người thổ nói thẳng ngay rằng:

Min nhằm rả khửn nả tồ liên lừn min = Nó giẫm cả lên mặt tổ-tiên nhà nó.

Tại các vùng thượng-du, ruộng đất ít, rừng núi nhiều, dân cư thường làm nhà gần ruộng để tiện việc cấy cấy trồng nom, không thể ở hội họp thành làng, xóm đông đúc như dưới xuôi được. Từ nhà nọ, sang nhà kia, không phải là gần, đi lại mất ngày mất giờ, mất công khó nhọc lại mất cả việc ở nhà, nhất là đương mùa cấy cấy, công việc không thể chậm trễ được, thì dù có ai mời đi ăn cỗ, cũng phải xin từ chối, vì

Đầy tôn giờ, tốc nấu thây

(Được bồi cỗ, lỗ buổi cấy) để thì-giờ: Dầm phân dãi đét (dầm mưa dãi nắng) *và để làm việc: Kha pùng mừ pầm* (chân lấm tay bùn).

Giống như câu tục-ngữ của ta *«giầu đâu đến kẻ ngủ trưa, sang đâu đến kẻ say xưa tối ngày»* người thổ gọi kẻ lười biếng là hạng người:

Nòn thâng loại nả kéng tựn
(Ngủ đến chưa chửa dậy)

Cũng như người mình, người thổ tặng kẻ khinh người:

Khinh cần bưởng tha
(Khinh người nửa con mắt)

Trái lại, làm cho người ta đ[illegible], vừa ý tức là:

Gầm khầu tì đần
(gãi vào chỗ ngứa) của người ta.

Nhưng đối với hạng người nói nhiều, làm ít, nếu tây có câu *«Parler et faire sont deux»* (Nói và làm là hai việc) và nếu ta có câu *«Ngôn bất cố hành»* (Nói không làm theo như nhời nói), người thổ cũng có câu:

Chỉ đầy pic mạ, nả đầy mòn năng
(Chỉ được mồm chơa, không được việc gì)

Một người gặp thời vận làm việc gì cũng dễ-dàng như trở bàn tay, người ấy

Hắt phiệc ngài như kin phước

(Làm việc dễ như ăn khoai)

Ta có câu « *xỏ chân lỗ mũi* », thì người Thổ cũng có câu tương tự như thế :

Các kha khỉm tềnh toọng

(gác cẳng lên trên bụng).

Những kẻ hay lừa người, không giữ nhời, hứa, không trọng danh-dự, vì :

Lịn nả đức lai làng lắt léo.

(Lưỡi không xương nhiều đường lắt léo). Mà những người

Phuốt nả pần cẩm (nói không ra tiếng) thường bị công-chúng coi khinh, rẻ-rúng,

Cũng không kém người mình, người thổ có câu :

Âm lượt phun cận

(ngậm máu phun người)

để chỉ những kẻ có ác-tâm chỉ tìm cách nói xấu hay làm hại người khác và

Tăm thầy thoóc, xioọc thầy khẩu

(Đâm bị thóc, chọc bị gạo) để gọi kẻ hay xui nguyên giục bị mong đục nước béo cò

Lại có câu :

Khỉn khau lồng khaét

(Trèo non vượt bể)

để tả nỗi khó-nhọc, những bước gian lao của khách bộ hành trên những vùng :

kham lặc ngườm piòt

(Thâu sơn cùng cốc) hay của người đời trên con đường đời.

Một người bị cường-quyền uy-hiếp cũng ví như bị một cái núi che lấp.

Khan phía che làm dòm ná hăn

(Núi non che ngất trông chẳng thấy)

Tả cái ô che mưa, che nắng, người thổ dùng câu :

Lẹm từng ăn bằng, tằng từng ăn bằng

(ngã từng cái ống, dựng lên từng cái nong).

***

Dân miền sơn-cước thường vào rừng đốn gỗ làm nhà, làm đồ dùng, lấy củi, đốt than và kiếm các thứ lâm-sản khác như mây, nâu, sơn, rầu, rựa, các chất để nhuộm, để thuộc da, để làm thuốc.

Nếu rừng không bị hủy phá nếu những cây cối đã bị chặt lại được trong gỗng, thì rừng sẽ là một nguồn lợi vô tận, là một cái hương hỏa bất diệt để lưu truyền cho đời sau mãi mãi. Dân miền sơn cước đã từng biết cái lợi của rừng, nên thường lo duy-trì cả loài thảo mộc và khuyên nhủ nhau bởi sự phá rừng. Muốn nhời khuyên răn ấy có ảnh-hưởng trong dân-gian, người thổ trước phải dùng thần quyền để gợi lòng tin tưởng của quần chúng. Họ đặt ra bài hát cho lưu-hành khắp nơi, rồi nhờ ở dị đoan của người rừng núi, sự khuyến trừng ấy đã đem lại nhiều kết quả tốt đẹp :

« Tên tiều-phu Khan nằm ngủ, chiêm bao thấy ông thổ thần hiện đến khuyên bảo những nhời sau này :

« Không nên phá hủy rừng núi « bằng lửa hay bằng lưỡi rìu. Đất « không phải là vô dụng như người « tưởng đâu. Những sản-vật của « đất không phải là hiếm. Cái kho « vô tận ấy để loài người tiêu « chung. Mỗi người nên dự một « phần vào công việc gây lại những « cây cối đã bị tàn phá để đem lại « sự hạnh-phúc cho mình và để « lại về sau cho con, cháu cùng « đồng bào một dải giang sơn gấm « vóc.

« Giả tiều-phu kia ơi ! nếu ngươi « không nghe nhời khuyên răn « mà cứ tàn phá cây cối, sau này, « ngươi sẽ hối hận : một thanh « củi đun cũng không còn để ngươi « dùng :

Đại-ý bài khuyến trừng về việc tàn-phá rừng núi như thế. Dưới đây xin sao lục nguyên văn bằng tiếng Thái để độc-giả nhà lãm :

Vằng « Khăn » pẩy tò phần,
nòn chang đổng, phăn hăn ỏng
Thổ-Thần cạ pận hầy !
Giá chốt pò nà phả đòng
Căn hử may, cẩu chắc công nhoi cần
Cẩu mi mác, cẩn mi phần
Mi ý cẩm cạ, phần đăng thắp khỏ
Chủ dân nùng, Pù Lỹ Thổ
Slon cạ căn, ốc công khỏ ngớt đồng
Chay mạy ỷ, vần lăng slung
Lực lan, lần lục, tò chung khửn pò
Hâu giác, lầu cụng ná lo
Mạy tửn rượn, mác kin đo slưởng mi
Cẩm cẩu tạy, mừng thức kỷ
Sle vần lăng, cẩn ốc sli, thanh nhàn
Ai đầy ngần siền, ngần phàn
Mạy ỷ, mạy ón, khỏi màn giá hẩm

(Còn nữa)

NHẬT-NHAM

Giá báo

1 năm	18$00
6 tháng	9 50
3 tháng	5, 00
Mỗi số	0, 10

BA THỂ PHÚ, TỶ, HỨNG TRONG Ca dao Việt-nam

TRỨC-KHÊ

Ca dao của Tàu đời xưa, các nhà nghiên cứu từng chia ra ba thể là *phú, tỷ, hứng*. Phú là nói thẳng ngay vào việc mình định nói, chẳng hạn như những thơ *Cát-đàm, Quyền nhĩ* ở trong kinh *Thi*; *tỷ* là nói ví, mượn cái nọ để nói cái kia, chẳng hạn như những thơ *Chung-tư, Lục-y* ở trong kinh *Thi*; *hứng* là trước khi nói vào việc mình định nói, hãng mượn một vật gì mà thấy tai nghe mà nói lên trước để khơi gợi, như những thơ *Quan-thư Thơ-ta* trong kinh *Thi* chẳng hạn. Ngoài ra lại còn có những bài làm theo thể *phú* mà lại là thể *hứng*, thể *phú* mà lại là thể *tỷ*, thể *tỷ* mà lại là thể *hứng*, thể *hứng* mà lại là thể *tỷ* v.v.

Xét ra ca-dao của nước ta, trải mấy nghìn năm các nhà thơ vô danh làm ra, cũng có đủ những thể cách ấy. Nay xin trích lục ra đây ít bài làm tỷ dụ, để độc giả biết sự phân loại của những bài làm theo mấy thể ấy, bởi nó có những đặc-điểm khác nhau như thế nào.

Làm giai quyết chí tu thân,
Công danh không vội, nợ-nần không lo,
Giời sinh giời giúp công cho,
Làm giai năm liệu bảy lo mới hào.
Giời sinh giời có phụ nào;
Phong vân gặp hội, anh hào ra tay.
Chỉ khôn xếp để dạ này
Có công mài sắt có ngày nên kim.

***

Ba năm trấn thủ lưu đồn
Ngày tại canh điểm tối dồn việc quan:
Chém tre đẵn gỗ trên ngàn,
Hữu thân hữu khổ phàn nàn cùng ai.
Miệng ăn măng trúc, măng mai
Những giang cùng nứa lấy ai bạn cùng?

Hai bài này đều là làm theo thể *phú*. *Phú* là bầy ra, nghĩa là nói ngay vào việc. Bài trên là lời tự phẫn tự lộ của một người con giai, bài dưới là lời than nỗi vất vả của một người lính thú.

***

Muốn sang thì bắc cầu kiều,
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.

***

Có quán tình phụ cây đa
Ba năm quán đổ cây đa hãy còn.
Có mực, anh tính phụ son,
Có kẻ đẹp giòn tình phụ nhân duyên.

Hai bài này đều là thể *tỷ*, nghĩa là mượn việc nọ để nói ví việc kia. Nói muốn sang sông thì phải bắc cầu, để vì muốn con hay chữ thì phải yêu thầy học; nói có quán tình phụ cây đa, để vì người con trai bạc tình có người yêu mới thì chẳng đoái gì tới người vợ cũ nữa, có biết đâu cái quán có ngày phải đổ mà cây đa thì còn mãi, cũng như cái tình yêu tạm bợ sẽ không bền được mà người « vợ cái con cột » thì còn ở với nhau lâu dài; có mực phụ son cũng là ý nói ví như vậy.

***

Quả cau nho nhỏ,
Cái vỏ vân vân.
Nay anh học đường gần,
Mai anh học đường xa.
Lấy em về từ thủa mười ba,
Đến năm mười tám đã hòa năm con.
Ra đường thiếp hãy còn xon,
Về nhà thiếp đã năm con cùng chàng.

***

Con cò lặn lội bờ sông
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non.
« Nàng ơi! trở lại nuôi con,
« Để anh đi chẩy nước non Cao-bằng. »

Hai bài này đều là làm theo thể hứng. Bài trên là lời của vợ người học trò có chồng đi trọ học, trước khi muốn kể cái nhan sắc của mình tuy đã năm con mà trông vẫn khâu-khỉnh, hãy mượn quả cau nho nhỏ, cái vỏ vân vân, tức là ý xinh xắn, để khởi hứng ở trên. Bài dưới là lời của người vợ lính tiễn chồng đi thú ở Cao-bằng; hai câu dưới trong bài nghe ra lời người chồng, đó là do vợ thuật lại lời chồng nói. Trước khi

nàng muốn kể nỗi tiễn chồng ra đi mà nỉ non khóc lóc hãy mượn cảnh con cò lặn lội bờ sông một cách vất vả để khởi hứng ở trên

***

Cò cha cò mẹ thì hơn,
Không cha không mẹ như đờn không dây.
Sa chân bước xuống ruộng rau,
Đắng cay, đã đắng, đã nhầm thì thôi.

Hai bài này đều vừa thể *phú*, vừa thể *tỷ*. Bài trên câu đầu nói thẳng vào việc, câu dưới nói ví; bài dưới cũng nói thẳng vào việc, nhưng đồng thời lại mượn rau răm là thứ rau cay đắng để ví cái cảnh ngộ cay đắng của mình.

***

Trông trành như nón không quai,
Như thuyền không lái, như ai không chồng.

Bài này thể *tỷ* mà lại thể *phú*. Suốt hai câu đều là lời nói ví, có ý nói cảnh-ngộ của người con gái không chồng, song lối dàn lời thì ra tính-cách của thể *phú*.

***

Rủ nhau xuống bể mò cua,
Đem về nấu quả mơ chua trên rừng.
Em ơi chua ngọt đã từng,
Non xanh nước bạc ta đừng quên nhau.

Bài này thể *phú* mà lại thể *hứng*. Mở đầu nói thẳng vào việc, người con trai bảo người con gái là chúng mình đã từng trải những khi sướng khổ có phau vậy không bao giờ nên quên nhau, song đọc suốt bốn câu thì thấy hai câu trên có tính-cách là lời khởi hứng của hai câu dưới

***

Sông kia có lạ gì cầu,
Đôi ta có lạ gì nhau mà nhìn

Bài này thể *hứng* mà lại thể *tỷ*. Mở đầu mượn nói sông và cầu để khởi hứng cho cái việc định nói ở dưới. Song sông và cầu là hai vật gần nhau dùng để nói ví hai người vốn vẫn gần gụi nhau, cầu kia thường soi bóng xuống sông, cũng như hai người đã nhìn nhau chán rồi còn lạ gì mà phải nhìn nữa

***

Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân.
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,
Em đã có chồng anh tiếc lắm thay!
Vị gì một miếng giầu cay,
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không.
Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết dấu mà gỡ?
Chim vào lồng biết thuở nào ra?

Bài này kiêm cả ba thể *phú*, *hứng*, *tỷ*. Mở đầu là nói việc, đó là thể *phú*. Nhưng ba câu trên có tính-cách là lời khởi hứng của những câu dưới, nên lại là thể *hứng*. Đến ba câu cuối thì lại hoàn-toàn là thể *tỷ*.

Đó, xem ca-dao của ta, về phương pháp đặt ra, cũng gồm có các thể như vậy. Do đó ta cũng nhận thấy cái văn-hóa của ta đối với văn-hóa của Tàu, có mối liên quan mật thiết biết chừng nào.

THÚC KHÊ

Chiến sĩ Việt nam...

(Tiếp theo trang 18)

Về phần phụ nữ, cái lòng nhớ mong cũng thiết tha, nhất là khi nhớ mà không theo được, đành chỉ gửi lòng cho người chiến sĩ bằng những câu thực-thà, chất phác, nói rõ nỗi gian nan, nguy hiểm, vì thế mà không vẹn được chữ « lòng »:

Thương anh em cũng muốn vô,
Sợ chuông nhà Hồ sợ phá Tam giang (7)

hay là:

Đi bộ thì khiếp Hải vân,
Đi thuyền thì khiếp sóng thần, hang rơi

Nhớ thương, ly biệt, phụ nữ Việt-nam lúc nào cũng chịu khó, nhẫn-nại hi-sinh nhất là thay cho người chiến sĩ trong công việc « *nuôi già, dạy trẻ* », dù trăm cay, nghìn đắng, họ cũng không từ, không một nhời ta oán.

Cũng nhờ đức tính tốt của phụ nữ ta, chiến-sĩ Nam việt mới có thể lúc nào cũng yên lòng, hăng hái thẳng tiến, lập nên những chiến công rực-rỡ, vì chẳng ở nhà vợ hiền, mẹ giỏi, thay mình gánh vác các công việc, họ mới đành lòng ra đi theo việc quân vô ước, có khi đến mươi mười lăm năm mới về.

Câu:

Chàng ơi! phải lính thì đi,
Cửa nhà đơn chiếc đã thì trông coi

là nhời tiễn biệt của người vợ chiến-sĩ, tuy nó chỉ giản-dị thông thường mà bao nhiêu tâm sự, bao nhiêu tình tứ, biết đâu không cảm động vì đó mà người chiến sĩ hăng hái ra đi.

TIÊN ĐÀM

(7) Chuông nhà Hồ phá Tam giang: một nơi tâm linh và cảnh một nơi có sóng lớn là hai nơi nguy hiểm khi xưa, trên đường đi vào Huế.

CÁCH CHIÊM-NGHIỆM VÀ CUỘC SINH-HOẠT

của người xưa theo ca-dao, tục-ngữ

TRINH-NHƯ-LUÂN

Dân tộc Việt nam mình từ xưa phần nhiều sống trong trường học vũ-trụ. Một sự thay đổi trên không trung, một chu biến động bất thường của vạn vật, mọi cử chỉ hành vi đặc biệt của một người thường được chiêm-nghiệm và truyền-tụng lại bằng những câu ca dao tục ngữ.

Những sự biến-ảo hằng ngày của tạo-vật thường báo cho chúng ta bằng những điềm mà chúng ta không rõ. Nếu theo sự kinh-nghiệm của người xưa, trong ca-dao tục-ngữ thì ta sẽ thấy những điềm ấy sẽ chỉ về những sự gì.

Một chiều hè oi bức, chúng ta ngồi mong một trận gió to hoặc một cơn mưa mát mẻ. Khi thấy đằng đông chớp nhảy, trên trời thưa sao, hoặc mây trắng ùn ùn kéo khắp vòm trời, đó là sắp mưa :

— *Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.*

— *Đông sao nắng, vắng sao mưa.*

— *Mây xanh nắng, mây trắng thì mưa.*

Cũng như mấy câu trên này, những ca-dao sau đây đều là triệu chứng giời sắp mưa cả.

Ếch bay thấp mưa ngập bờ ao.
Ếch bay cao mưa rào lại tạnh.

— *Mùa hè đang nắng cỏ gà trắng thì mưa.*

Trời mưa hàng tiếng đồng hồ, có khi kéo dài cả buổi khiến chúng ta nóng ruột, tưởng không làm gì được, nhưng đến trưa trời quang, mây tạnh, giọt mưa thưa thớt.

« Mưa không qua Ngọ, gió không qua Mùi ».

Ngoài khơi, con thuyền đủng đỉnh, các bác thuyền chài đang đánh cá, thấy chân giời một áng mây vàng rực hoặc chiếc mống lơ lửng giữa giời, vội dương buồm quay thuyền về bến, sợ sẽ có một trận cuồng phong xảy đến, vì :

« Mống cao gió táp, mống áp mưa rào »

và

« Mỡ gà thì gió, mỡ chó thì mưa ».

Nói về thời tiết, mùa xuân là mùa ấm áp của người, vật và cây cỏ; thế mà thỉnh-thoảng chúng ta vẫn phải dùng áo mền và co ro vì rét chưa « ly dị » hẳn mùa xuân :

« Tháng riêng rét đài, tháng hai rét lộc, tháng ba rét nàng Bân ».

Tháng ba tuy trời ấm áp, mà vẫn phải trữ áo rét bên mình vì con « *Bợm chết rét tháng ba* » là thế. Đến bao giờ hây hẩy ngọn gió nồm nam, bấy giờ mới hay rằng : « *Gió Nam đưa xuân sang hè* » mới thật hết rét.

Về phần nhà nông ta đối với ca-dao tục-ngữ có quan hệ gì chăng? Dân quê ta phần đông là những người thông văn tự; chẳng cần đến lịch của tòa Khâm-thiên giám, hoặc sách dạy thực hành của sở Canh-nông, họ chỉ dựa vào sự luân chuyển của vòm trời bát ngát mà cấy cấy giống gieo, mà gửi hy-vọng vào kết quả mùa màng.

« Lúa tháng năm trông giăng rằm tháng tám,
« Lúa tháng mười trông mồng tám tháng tư

Giăng rằm tháng tám trong trẻo là được mùa chiêm và ngày mồng tám tháng tư trời mưa sẽ được cả vụ mùa vì :

« Mồng tám tháng tư không mưa,
Bỏ cả cày bừa mà lấp lúa đi. »

Giời không mưa, nắng như thiêu đốt, nhà nông lo bạn tán, mong từng ngày từng giờ.. Khi mặt giăng xung quanh viền một vòng ngũ sắc hình như cái tán, lúc bấy giờ họ mới lộ chút vui mừng : « *Giăng quầng thì cạn, giăng tán thì mưa* ». Đặt hy vọng vào sự trông giăng, vào giọt nước của Tạo-hóa nhà nông còn nghe từng luồng gió thổi :

« Gió đông là chồng lúa chiêm,
Gió Bắc là duyên lúa mùa. »

Ngoài công việc cày cấy, nhà nông không lúc nào bỏ mất thời giờ. Hằng ngày, lo hết việc nọ đến việc kia :

« Nắng sớm thì đi giồng cà,
Mưa sớm ở nhà phơi thóc. »

rồi lại lo khi gặp những năm hay mất mùa xảy nạn đói kém :

« Thiếu tháng hai mất cà,
Thiếu tháng ba mất đỗ. »

hay : *« Năm Tí, năm Ngọ ai có nấy ăn »*

và *« Năm Thìn, năm Tị chị chẳng nhường em ».*

Nghề nông vất vả như thế mà rồi kết cục không bằng chăn tằm kéo kén :

« Làm ruộng 3 năm không bằng nuôi tằm một lứa ».

Làm ruộng, sự sản xuất có ngần, còn nuôi tằm thì :

« *Một nong tằm là năm nong kén, một nong kén là chín nén tơ* ». Cho nên nghề chăn tằm hái dâu vẫn nhàn và được biệt đãi ở nhà quê.

***

Ca-dao tục-ngữ không những đã dắc dụng cho nhà nông, lại còn là một « thuật sĩ » chiêm nghiệm từng người và tính nết của họ để răn bảo chúng ta nữa :

« *Chim sa cá nhảy chớ chơi*
Những người lòng bạng chớ chơi bạn cùng :

và « *Mắt trắng môi thâm đa thiết bì* »

cùng « *Những người ty hý mắt lươn*
« *Giai thì trộm cắp, gái buôn chồng người* »

toàn là những anh nguy hiểm lường thày phản bạn ta chẳng nên gần.

Nếu bạn nào chưa vợ, nên kén các cô có làn tóc mây ông nuột, vì :

« *Đàn bà tốt tóc thì sang,*
Đàn ông tốt tóc chỉ mang nặng đầu »

và có một thân hình gọn gàng nhanh nhẹn có vẻ.

« *Khô chân gân mặt đắt tiền cũng mua* » hay một cặp mắt nhung đen nháy.

« *Người khôn con mắt đen sì,*
Người dại con mắt nửa chì nửa thâm. »

Các bạn chớ nên gần các cô có cái giọng nói :

« . . . *lanh lảnh tiếng đồng,*
Một là sát chồng, hai là hại con »

và hay

« . . . *chép miệng thở dài,*
Chỉ là sầu khổ bằng ai bao giờ

cùng những nàng :

« *Phinh phinh mặt mo*
Chân đi chữ bát thì cho chang thèm »

Thật còn gì xấu người xấu nết cho bằng những « quí tiểu thơ » này.

***

Ca-dao tục ngữ lại còn là một bài học luân lý răn đời. Nào những ai ăn ở bất nhân bạc nghĩa, nên học lấy câu :

Đời trước đắp nấm, đời sau ấm mồ,
Đời cha ăn mặn, đời con khát nước.

Mà tu nhân tích phúc gây lấy cây đức để lại cho con cháu về sau. Các cậu học-trò ngông nghênh không biết nghe lời cha khuyên mẹ dạy, còn gân cổ cãi lý, nên nhớ :

Cá không ăn muối cá ương,
Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.

và ra đường thường hay tự nào tự phụ, có biết dâu rằng ;

Ở nhà nhất mẹ nhì con,
Ra đường lắm kẻ còn ròn hơn ta.

Còn những người ăn hoang mặc phí, sống chỉ có ngày nay không biết tới ngày mai, đến khi bí cực mới thấy :

Đi đâu mà chẳng ăn de,
Đến khi ăn hết thì dè chẳng ra.

rồi ngửa tay đi vay « *một vốn bốn lãi* » mà chẳng ma nào muốn cưu cấp.

Các bậc phụ huynh muốn con em học hành tấn tới ngoan ngoãn, phải biết qua đến công thày dạy :

Muốn sang thì bắc cầu kiều,
Muốn con hay chữ thì gieo lấy thày.

Ngoài những luân-lý thường thức trên đây, ca-dao còn mỉa-mai những anh lười biếng rượu chè :

Giầu đâu đến kẻ ngủ trưa,
Sang đâu đến kẻ say sưa tối ngày.

chỉ muốn ăn không ngồi rồi, ỷ lại vào cái gia-tài của ông cha để lại, ăn chơi thỏa thích, nhưng « *nước chảy đá mòn* » và « *lọa thực sơ băng* », lấy chi mà hưởng mãi được mãn đời.

Ca-dao không những mai-mỉa kẻ lười biếng, còn an ủi những người số phận hẩm-hiu, làm ăn đầu tắt mặt tối, mà vẫn nghèo nàn không được sung túc :

Giầu 30 tuổi chớ mừng,
Khó 30 tuổi em đừng vội lo.

« Và *người ta có chí thì nên* » khiến họ dấy lòng sốt sắng, hăng-hái với đời.

***

Xem như vậy, ca-dao tục-ngữ của ta là một kho tài liệu quí giá : Về thời-tiết, ca-dao tục-ngữ tạm đóng vai nhà thiên văn quê mùa ; về nghề nông, ca-dao tục-ngữ cho người ta một khuôn khổ sẵn sàng để làm theo và đặt hy-vọng vào mỗi cái chuyển vận của tạo vật... Nói tóm lại, ca-dao tục-ngữ thật là một pho sách phổ thông đầy kinh nghiệm của các bậc tiền bối và giúp ích được đôi phần cho cuộc sinh hoạt của người đời

TRỊNH-NHƯ-LUÂN

ĐÓN COI

Vì chật chỗ nên các bài sau đây sẽ đăng ở tập hai

1— Kẻ sĩ của thời xưa qua phong dao
của PHẠM MẠNH PHAN

2— Ca dao, một yếu tố của đại chúng văn học
của KIỀU THANH QUẾ

3— Làng và phong dao
của LIÊN GIANG

4— Xét việc làm ruộng của ta trong ca dao
của KHÁI SINH

và nhiều bài khác viết rất công phu

Ca dao và cổ tích

(Tiếp theo trang 7)

cố gắng lược phác một vài đường hoạt động hoặc phản động của tinh thần ham sống trong dân chúng Việt-nam.

***

Điều kiện lịch sử, điều kiện xã hội đã khiến cho tinh thần dân chúng Việt-nam *ít khi được tự do phát triển*. Trái lại, luôn luôn, tinh thần ấy bị bóp nghẹt, và luôn luôn phải tìm cách phản động mà ít khi được tự do hành động; Vì vậy, một phần lớn trong ca dao là những câu hát để phản động lại một sự bó rẻ, dù là để nói về phương diện tinh thần hay phương diện vật chất cũng vậy.

1) *Nếu gặp những sự đè nén về phương diện vật chất*, dân chúng phản động trong kín đáo, vì không đủ điều kiện mà phản động quyết liệt, trừ một vài trường hợp đặc biệt. Nên câu hát thường là câu than vãn, hoặc mai mỉa;

Khi thì người dân nhắc gián tiếp đến cảnh loạn ly

« Ai làm ở bỏ rừng ngàn,
Cho lồ cá lội cho tan chim bay. »

Khi thì kêu gọi thiết tha:

« Khôn ngoan đối đáp người ngoài
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau »

Hay :

« Nhiều điều phủ lấy giá gương.
Người trong một nước thì thương nhau cùng ».

Gặp kẻ hoài nghi, và lúng túng thì khuyên :

« Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao ».

Cũng có khi nổi kích thích :

« Người đời muốn sự của chàng,
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi »

Rồi nhắc sự nghiệp làm trai:

Làm trai cho đáng nên trai.
Xuống đông, đông tĩnh, lên đoài, đoài yên ».

Đến lúc đã thoát được đây, đã làm cho sông núi lại được yên thì bình tĩnh, không để cho cái say sưa thường đi sau những cuộc đắc thắng làm cho điên rồ, mà chỉ mỉm cười, nhận xét :

« Nực cười châu chấu đá xe
Tưởng rằng chấu nát, ai dè xe nghiêng ».

Ẩn trong sự bình tĩnh ấy, khác nào một tiếng reo mừng vang động

Những khi quốc gia làm nguy, dân chúng phản động như thế. Còn ngày thường, cũng luôn luôn phải phản động lại những sự áp bức về vật chất của một vài lớp người trong xã hội đó.

Người nông dân phản động lại, sự an không, ngồi rồi, của những kẻ giàu sang, của lớp người quý phái.

Phản động trực tiếp thì chế giễu.

« Nhất sĩ nhì nông,
Hết gạo chạy rông,
Nhất nông nhì sĩ. »

Phản động gián tiếp thì đem chuốc đời vất vả lao lạ ca tụng :

« Trời mưa thì mặc trời mưa,
Chồng tôi đi bừa đã có áo tơi »

Câu hát nghe vừa tự cao, vừa hy vọng :

« Trời mưa trời gió long lọng,
Cha con ông Sùng đi gánh phân trâu,
Đem về trồng bí, trồng bầu,
Trồng hoa, trồng quả, trồng trầu, trồng cau. »

Nghe những khuyên dạy bảo cho những ai vốn quen khinh thị những kẻ cần lao suốt ngày đầu tắt mặt tối. Dọn lẽ thất tà thường thường trong các nhà hàng, cuộc sống lấy bừa, không có một nét phản động tức tối. Ta chỉ thấy một vẻ tự cao kín đáo, một mối hy vọng bền vững, tin ở kết quả công việc mình làm.

Kẻ nông phu :

« Cày đồng giữa buổi đang trưa,
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày ».

Nhưng không vì thế mà chán nản. Trái lại, anh ta vui vẻ gọi :

Hỡi cô yếm thắm dải là,
Lại đây dặp đất trồng cà đỡ anh ».

Vui vẻ được như vậy, vì anh ta tin tưởng được ở công việc mình và đã nghĩ đến ngày được hái, mà hứa ngay với « cô yếm thắm dải là » đó rằng :

Bao giờ cà nhớn cà xanh,
Anh cho một quả để dành muối dưa.

Người dân Việt-nam, ngày thường, chỉ phản đối gián tiếp lớp người bị đè nén ở trên như thế.

Đã có bán :

NHÀ BÊN KIA
của Đỗ Đức Thu giá 0$65
Thân thế và văn chương
TỪ MỠ
do Lê-Thanh viết giá 0$60
EM LÀ GÁI BÊN SÔNG CỬA
của Lưu Trọng Lư giá 1$50
VIỆT SỬ GIAI THOẠI
của Đào-Trinh Nhất giá 2$00
Khảo-cứu về
TIẾNG VIỆT NAM
của Trà Ngân giá 2$50
BƯỚC ĐƯỜNG MỚI
của Dương Ngà giá 3$00
KIM TỰ THÁP
của Phan Quang Định giá 2$
NỬA ĐÊM
của Nam Cao giá 2$00
Nhà xuất bản Cộng-Lực
N° 9 Rue Takou — Hanoi

Nhưng cũng có khi những kẻ bị áp bức phải phản đối rõ ràng hơn.

Chẳng hạn, người dân tán thành chiến tranh khi phải chống với kẻ xâm lấn phương Bắc, nhưng *phản đối chiến tranh bên trong* phản đối những sự rối loạn gây ra vì lòng tham lam của một vài kẻ cầm quyền

Trời ơi, sinh giặc làm chi,
Cho chồng tôi phải ra đi chiến trường

Hay là :

Anh đi em ở lại nhà,
Hai vai gánh vác mẹ già con thơ!

Người đàn bà, bị mấy nhà nho đem luân lý ra ràng buộc, nhiều khi cũng phản động mạnh mẽ. Nên luôn luôn, ta thấy những câu chế riễu chế độ đa thê : chế riễu cay đắng như câu :

Chồng chung, chồng chạ
Ai khá hầu hạ
Thì được chồng riêng.
Chi mà sợ, chi mà kiêng.

Và nhiều câu khác chát nữa.

Chế riễu có duyên hơn và nhẹ nhàng hơn thì như một câu đối cảnh hai người vợ đối đáp nhau một buổi tối :

Vợ cả :

Anh có thương em
Thì anh ngảnh mặt vào rong.
Đến mai em đi chợ, em mua bã
với lòng về anh ăn.

Vợ hai :

Anh có thương em thì anh ngảnh
mặt ra ngoài.
Đến mai em đi chợ em mua mặt
với khoai mà anh ăn.

Nhiều khi, người đàn bà tỏ giọng uất ức hơn, về sự bất bình đẳng nam nữ.

Anh thì quần áo rong chơi,
Để em đi cấy bò hôi ướt đầm

Hoặc táo bạo giễu bầy quan niệm về sự thủ tiết giả dối.

Dù khi mẹ chết, các con giết cho
mẹ năm trâu bảy bò,
Không bằng ngay khi mẹ sống
các con cho mẹ đi ra lấy chồng.

Trong sự thật, người đàn bà ta khác xa với hình ảnh thường là giữ gìn những thiếu nữ khép nép trong trắng sống cầu-dung trong vòng tam tòng không biết gì đến cuộc đời thực tế. Trái lại, phụ nữ bình dân xứ ta thường là những kẻ thô vụng cần cù, biết làm cột trụ trong gia đình, đảm bạo dạn và nhiều khi tinh nghịch. Tinh nghịch như cô gái quê vùng nọ, bắt rằng :

Hỡi anh đi đường cái quan !
Dừng chân đứng lại em than vài lời :
Đi đâu vội bấy anh ơi,
Công việc đã có chị tôi ở nhà.

Tinh nghịch không kém gì người con trai làm rể phản động lại phong tục giảm giá đó mà thốt nên rằng :

Công anh làm rể chương-đài,
Ăn hết mười một, mười hai vại cà !
Giống đâu thì dắt anh ra,
Không thì anh chết với vại cà nhà em.

(Còn nữa)

NGUYỄN-DINH THI

Thư-xã Alexandre de Rhodes

Mới xuất-bản một giải phẩm về mỹ-thuật

CROQUIS TONKINOIS

của Họa-sĩ MẠNH-QUỲNH

là một tập tranh về thủy-mạc về phong-cảnh, đời sống ở thôn-quê xứ Bắc.

Tập này khổ 26×32, có 20 bức in lên thứ giấy nhung Thăng-Long chế công tại hãng Nguyễn quý Kỳ (làng Bưởi), in một mặt, tờ rời, dựng trong kiểu bìa hộp rất mỹ-thuật, do họa-sĩ tự khắc gỗ in tay, rất công-phu.

In có hạn 300 tập, giá mỗi tập là 40$00 cước 2p.00

❖

Gửi giấy mua và mandat tới địa-chỉ bản-hội, 6 đường P. Pasquier giấy nói số 628 (Hanoi)

QUỐC HỌC THƯ XÃ

Mới phát hành

Lược luận về **PHỤ NỮ VIỆT-NAM** *Giá 2$50*

cuốn sách gối đầu giường mà các bà các cô, gia-đình nào cũng phải có.

LỊCH-SỬ BÁO-CHÍ *Giá 2$00*
NGHỆ-THUẬT và DÂN-GIÁO 2 50
VIỆT-HOA THÔNG-SỬ SỬ LƯỢC *Giá 5$00*

các học-giả, các nhà lưu tâm khảo vấn-hóa đều phải đọc

TÂN HIẾU KINH *Giá 1$20*

có chữ Hán, cuốn sách cần-ích cho hết thảy các gia đình, các học-đường, các giáo-dục-giới.

Sắp phát hành

Luận lý **DU-THUYẾT YẾU THUẬT** mà ai muốn hiểu tinh-hoa Luận-lý học và thực-hành môn Du-thuyết đều phải đọc cuốn sách này, gồm tinh-hoa của khoa Luận lý, du thuyết Đông Tây, cổ kim

Thư từ cho M. LÊ VĂN HÒE
Rue Tientsin-Hà-nội

Tục-ngữ và Ca dao

(Tiếp theo trang 3)

Tục-ngữ lại chế-giễu hạng người « nằm gốc cây sung » giàu tính ỷ-lại, lười biếng mà muốn được sung-sướng, hưởng ưu thắng ở đời :

« Đi học, thầy đánh ;
« Đi gánh, đau vai ;
« Nằm dài : chết đói ! »

Rồi Tục-ngữ không ngần-ngại nói trắng cho hạng người « đại lãn » ấy biết rằng :

« Tay làm, hàm nhai ;
« Tay sai, hàm trễ. »

***

Tục-ngữ, Ca-dao lại phê-bình với giọng ngọt-nhạt, mát-mẻ nhưng mỉa mỉn việc bói-toán là môn thuật-số do Tàu « nhập cảng » :

« Bói ra mu,
« Quét nhà ra rác ! »
. . . .
« Kẻ sáng đi hỏi người mù ! »

Và :

« Lắm thầy thối ma ! ... »

***

Theo cái chế độ phong-kiến của Trung-hoa xưa, thiên-tử là cái đầu nấc thang xã-hội nhiều giai-cấp, được tự-do sức thê tùy theo ý muốn, nên trong thiên *Khúc-lễ hạ* ở *kinh Lễ* có chép : « *Thiên-tử hữu hậu, hữu phu-nhân, hữu thế-phụ, hữu tần, hữu thê, hữu thiếp* » (7), nghĩa là thiên tử có hoàng-hậu, có phu-nhân, có thế-phụ, có tần, có thê, có thiếp.

Vì theo cái gương ấy của thiên-tử, nên từ chư-hầu, công, khanh, đại-phu, sĩ đến thứ-dân, người *Tàu đều thực hành* cái chế-độ đa thê một cách sốt-sắng.

Nhưng, một khi cái chế-độ trọng nam khinh nữ đó tràn vào xứ này, Ca-dao đứng lên, lớn tiếng mắt mẻ phái ôm bầu nhân-dục vô-nhai ấy :

« Sống bao nhiêu nước cũng vừa,
« Giai bao nhiêu vợ cũng chưa bằng lòng ! »

Rồi phong nhân lại khuyên chị em :

« Đói lòng, ăn nắm lá sung,
« Chồng một thì lấy, chồng chung thì đừng. »

Và yên-ủi những ai trung-thành, với chủ-nghĩa nhất phu nhất phụ :

« Đói no một vợ, một chồng,
« Một niêu cơm tàm, dầu lòng ăn chơi. »

hoặc :

« Đầu tôm nấu với ruột bầu,
Chồng chan, vợ húp, cầm đầu khen ngon. »

Cứ sơ mấy câu làm lệ như trên, đủ thấy nhiều chỗ tư-tưởng của Ca-dao, Tục ngữ ta khác hẳn với Tàu, chứ không phải người mình xưa không có tinh thần tự chủ mà nhất nhất mô-phỏng hay tô-thuật cái văn-hóa ngoại lai cả đâu.

Nhận xét về tục-ngữ, ca-dao, ta thấy ông cha ngày xưa có cái lực-lượng rất hùng-hậu về mặt tinh-thần.

Phải, cái tinh-thần ấy ẩn trong những câu êm-nhẹ mà trầm hùng như :

« Đấy vàng, đây cũng đồng đen,
« Đấy hoa sói trắng, đây sen Tây hồ.

Và lý-luận đanh thép như :

« Có khó mới có miếng ăn,
« Ngồi không ai dễ đem phần đến cho ! »

Chính cái tinh-thần ấy đã nâng dân-tộc này lên một địa-vị chắc-chắn và vững bền.

Cũng chính cái tinh-thần ấy đã giữ cho Quốc-gia vượt bao sóng gió hiểm-nghèo và đưa đến một ngày mai tươi sáng.

HOA BẰNG

7) *Lễ ký, quyển 1, tờ 22 b.*

Hãy đọc

HÁT DẶM NGHỆ TĨNH

(khảo cứu của Ng. Đổng Chi tác giả « Việt Nam cổ văn-học sử »)

Một lối văn rất xưa chưa được ai biết. Một lối văn chỉ sản xuất riêng trong một vùng. Các bạn sẽ thấy có nhiều cái lạ mình không ngờ Nghệ Tĩnh quả là một vùng khác lạ nhất trong nước Việt Nam chúng ta.

Đang in : **NGÔ VƯƠNG QUYỀN**

lịch-sử ký-sự mới của Trần thanh Mại

THƠ ĐỖ PHỦ Bản dịch của Khương Tổng

TÂN VIỆT — 29 — LAMBLOT — HANOI

Đã có bán

TRUYỆN DỊ THƯỜNG

(Histoires extraordinaires của Edgar Poë)

Bản dịch của Mộng Huyền

(quyển II) — Giá 4$50

Còn một ít

Truyện dị thường I — Giá 4 p. 50
Nguyễn văn Siêu — Giá 2 p. 90
Vương dương Minh — Giá 13 p. 80
Chính trị đại cương — Giá 3 p. 70
Triết học Aristote — Giá 3 p. 80

Đời cô Việt-nữ qua mớ ca-dao

HẢI-THẦN

Có thể nói rằng vì phụ nữ mà nguồn ca-dao Việt-nam mới rất phong phú. Muốn chứng lời đó, xin các ngài hãy thử tưởng-tượng lên đời một cô con gái, từ lúc còn sen ngó đào tơ, đến lúc có chồng và làm mẹ. Chúng tôi xin cũng theo từng thời - kỳ trong đời cô ấy, mà nhắc lại những câu, cô có thể làm được, hay vì cô ấy mà người ta làm, do tình hay do cảnh xui nên.

Tuổi đã cập kê, lẽ tất nhiên cô phải nghĩ đến tình duyên. Cho dẫu ở với cha mẹ sung - sướng mặc dầu, nhưng cứ chăn đơn gối chiếc, rồi thấy người ta nay kẻ chuyện xóm Nam-lân người kia tống nữ, mai nghe chuyện làng Bắc-lý kẻ rọ nghênh thê, thì làm thế nào mà chẳng phải buột miệng ra những câu như :

Dẫn ngồi cửa sổ chạm rồng,
Chăn loan gối phượng, không chồng vẫn hư.

Nhưng dẫu có nói vậy, chứ cho cô đần-độn đến đâu chăng nữa, nghĩ đến chuyện trăm năm của mình cô vẫn phải tự nhủ rằng :

Lấy chồng cho đáng tấm chồng,
Bỏ công trang điểm má hồng răng đen.

Đương lúc một mình lo quanh lo quẩn với cái tương-lai đầy hi-vọng và đầy vẻ-dáng sợ hãi, thì tình cờ, lúc đi gánh nước, gặp một anh chàng.

Cô cất tiếng hát :

Đêm qua sáng giăng lờ mờ
Em đi gánh nước tình cờ gặp anh.
Vào vườn chẳng quả cam xanh,
Bẻ ra làm tấm mời anh sơi giầu,
Giầu này đệm những vôi tầu.
Ở đâu đệm quế dồi dầu thơm cay,
Mời anh ăn miếng giầu nầy.
Dù mặt dù nhạt dù cay dù nồng,
Vì không nên đạo vợ chồng.
Thì anh cũng rõ tấm lòng cho em.

Thế rồi đôi mắt cùng liếc, đôi lòng cùng ưa, cô và anh chàng trước còn hỏi nhau về gia thế, rồi sau tính đến việc trọn đời. Muốn tỏ cho anh chàng biết rằng mình chưa ước hẹn cùng ai, cô ấy nói :

Ngọc còn đá bóng cây tùng,
Thuyền - quyên còn đợi anh hùng sánh vai.

Được anh chàng tỏ lời âu yếm, cô vui vẻ vô cùng, nhưng biết đâu anh chẳng phải là dòng họ Sở, nên thử lòng anh, cô hỏi :

Trông anh như thể sao mai,
Biết rằng trong có như ngoài cho chăng?

Anh chàng là người tử-tế, đâu chịu những tiếng ngờ vực như thế. Anh hết sức cãi, hùng hồn đến nỗi ô nàng đương nhìn chàng bằng con mắt ngờ-vực phải dịu nét mặt lại nhoẻn một nụ cười mà rằng :

Chuông già đồng điếu chuông kêu,
Anh già nhời nói em siêu tấm lòng.

Đã không ngờ vực gì nữa, tất là anh chàng yêu cô mà cô cũng cảm anh chàng. Muốn tỏ lòng yêu, cô bảo anh :

Qua đình ghé nón trông đình,
Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu ;
Yêu anh tâm trí kao mòn,
Yêu anh đến thác hãy còn yêu anh.

Nếu vắng mặt anh chàng lâu mà không được gặp, thì cô buồn rầu khôn xiết, buồn rầu đến nỗi phải buột miệng mà rằng :

Dù ai khổ bạc cho vàng,
Chẳng bằng trông thấy mặt chàng hôm nay.

Từ tình yêu đến ước hẹn chỉ cô một bước. Hẹn với anh chàng, cô hết sức thự thà :

Bao giờ cạn lạch Đồng-nai,
Nát chùa Thiên - mụ mới sai lời nguyền ;
. . . . . .
Mẫu-đơn mọc cạnh nhà thờ,
Đôi ta trinh tiết đợi chờ lấy nhau.

Trung hậu như thế, chất phác như thế, làm gì anh chàng chả mê tít đi mà về nhà thu xếp để chỏng cùng ý trung nhân được trọn nguyền chăn gối.

***

Lấy chồng rồi cô yêu chồng lắm, thường những lúc đêm hôm thanh vắng, chẳng ở, chẳng thẹn, cô đã ngỏ cùng chồng rằng :

Bác mẹ bù mớm nâng niu,
Tội giời thì chịu, không yêu bằng chồng.

Được chồng yêu, cô vui lắm, tức cảnh nên câu rằng :

Chồng yêu cái tóc nên dài,
Cái duyên nên đẹp, cái tài nên khôn.

Phận đã đẹp duyên đã ưa, thì dù gặp phải chồng nghèo, chồng xấu, cô cũng chẳng ngại :

Xấu xa cũng thể chồng ta,
Song ta tốt-đẹp lại ra chồng người ;
. . . . . .
Chồng ta áo rách ta thương,
Chồng người áo gấm xông hương mặc người.
. . . . . .
Đói no một vợ, một chồng,
Một niêu cơm tấm, dầu lòng ăn chơi.

Nghèo kiết mặc nghèo kiết, cô cũng tìm cách chiều chồng; bởi thế bắt được ít cá, cô nướng cho vàng, rồi lấy tiền mua rượu cho chồng uống chơi. Lúc chồng đương khề-khà chén rượu, cô lấy làm lý-thú lắm, nên ngẫu hứng đọc lên câu tức cảnh rằng :

Đốt than, nướng cá cho vàng,
Lấy tiền mua rượu cho chàng uống chơi.

Thế nhưng lấy nhau có phải chỉ để mà yêu không được đâu. Phải lập gia-đình, phải lo cho đủ ăn đủ

mặc, phải làm việc mới được, thế cho nên hễ thấy chồng ra ý lười biếng, cô lại nhắc:

Mặt giời lưng-lửng rạng đông,
Anh ơi, giở dậy ra đồng kẻo trưa.
. . . . . .
Anh về chẳng đậu, hái cà,
Để em đi chợ kẻo mà nhỡ phiên:
Chợ nhỡ phiên tốn công, thiệt của,
Miệng liềng người cười rỡ sao đang;
Lấy chồng phải gánh giang san,
Chợ phiên còn nhỡ, giang san còn gì!

Gặp phải anh chồng không biết lo xa, cô liệu kiếm lời nhắc-nhở:

Đánh cờ nước bí không loạn,
Dù anh khéo liệu, trăm bài cũng thua.

Đấy là nếu chồng cô là người lám ruộng. Còn nếu cô đã « *chẳng tham ruộng cả ao liền, tham về cái bút cái nghiên anh đồ* », mà lấy anh học trò, thì cô lại khuyên can bằng một cách khác, đại loại như:

Khuyên ai ông đọc sách, ngâm thơ,
Dầu hao, thiếp rót; đèn mờ thiếp khêu.

Trước lời nói như thế, anh chồng nào mà chẳng phải cố cho có ruộng cả ao liền, hay cho được bảng vàng bia đá.

***

Đã có chồng, tất phải có con. Muốn tỏ cái khó-nhọc của sự sinh nở, cô nói:

Đàn ông vượt bể, có chẳng, có bạn;
Đàn bà vượt cạn: chỉ có một mình

Tuổi nhưng khi đã còn quấn, con đắt, con bồng, con mang rồi, thì cô thấy gia-đình vui vẻ quá, nên cô tự đắc với chị em rằng:

Giai ơn đua khi đua thuyền rồng,
Gái ơn chồng khi bồng con thơ;
Ơn vua xem nặng bằng non,
Ơn chồng nhờ được tổ tôn đời truyền.

Đã là dân, ai cũng có bổn-phận giữ-gìn đất nước. Nếu có lệnh gọi chồng đi lính, mà anh chồng lại ra ý ngần-ngừ, thì cô nói phắt ngay:

Chàng ơi phải lính thì đi,
Cửa nhà sau trước đã thì có em.

Nói thì nói vậy, nhưng trước cảnh ly-biệt, ai chẳng buồn lòng. Trong lúc phòng không, chiếc bóng, cô chỉ một lòng cầu-nguyện:

Bao giờ bắt được giặc Khôi,
Cho yên việc nước, chồng tôi giở về.

Như thế, ai cũng biết rằng vắng chồng, cô bao xiết nhớ-nhung mong-mỏi; nhưng mặc dầu phòng không, bóng chiếc cô bao giờ cũng vẫn trung-thành. Trong lúc ra ngoài lạm lụng, nếu có gặp anh nào trêu gợi, cô chỉ nói mát mẻ một câu rằng:

Ba đồng một mớ giầu cay,
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không?
Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng, như cá cắn câu.

Trước lời nói ấy, anh nào mà chẳng phải đánh trống lảng?

***

Trên đây là tôi nói về cảnh thuận. Nếu cô kia sỗ vắt-vả, gặp phải anh chồng không ra chồng, thì lẽ tất nhiên là cô phải buồn. Đã buồn tất phải có câu oán trách.

Tiếc công mình chịu thương chịu khó, cô phàn nàn:

Bán hàng ăn những chim cau,
Chàng con có biết cơ mầu này chăng?

Hay:

Chồng con là cái nợ nần,
Thà rằng ở vậy cho thân béo mầm.

Hay:

Chồng khôn thì nỗi cơ-đồ,
Chồng dại thì lỗ công-phu nhọc mình.

Thấy chồng có ý ghẻ lạnh, cô tự vấn xem có lỗi gì không; Cô thấy không có điều gì trái đạo, nên cô dám nghĩ. Nhân lúc đêm khuya thanh vắng, cô phàn-nàn:

Một ngày ba bận trèo đèo,
Vì ai vá sẽch, lưng eo, hỡi chàng?

Phàn-nàn mà chồng chẳng nghe thì cô cho là chồng có ngoại tình, bèn gắt giọng trách:

Ngày xưa anh bằng, anh bẻo,
Tay cầm chén thuốc, tay đèo mũi chanh;
Bây giờ anh khỏi, anh lành,
Anh ăn duyên mới, anh đành phụ lòi!

Trách-móc chẳng thấy ăn thua gì, chán lắm cô cũng muốn vất quách chồng đi. Nhưng nghĩ đi, còn có nghĩ lại, *vợ chồng là nghĩa giả đời, ai ơi chớ nghĩ những lời thiệt hơn*, nên có lúc cô phải dằn lòng mà khuyên giải, van lơn chồng bằng những câu như:

Chớ chê em xấu, em đen,
Em như nước đục, dành phèn lại trong.
Mới yêu thì cũ cũng yêu,
Mới có mỹ miều, cũ có công lênh.

Trong lúc nói những câu như thế, chắc cô cũng ngầm rằng: *chồng chê thì mặc chồng chê, rưa khú nấu với cá chê ngọt lừ*. Nếu nghe thấy những lời ngon ngọt, anh chồng biết hối quá thì chớ, bằng cứ trơ như đá, vững như đồng, thì cô phải lên giọng cứng-cỏi:

Dù chàng năm thiếp bảy thê,
Chẳng không bỏ được gái sẽ này đâu!

Không những cứng cỏi, còn ra giọng đe dọa nữa:

Có vả mà phụ lòng sang,
Có chùa bên Bắc bỏ miễn bên đông tồi-tàn
Có bát sứ tình phụ bát đàn,
Nung-nia bát sứ vỡ tan có ngày!

Dọa mà chẳng được, cô theo rõi chồng. Bắt được quả tang, chồng chuyện trò với gái, đáng lẽ cô hồi cơn tam bành lên là phải, nhưng nghĩ rằng, *ngứa ghẻ hờn ghen, xấu chàng mà có ai khen gì mình*, nên cô sẽ bảo chồng về, rồi quay lại người con gái kia, cô ngọt-nhạt:

Một tay đun chín bếp cơm,
Một tay nao mướp, chị nhường chồng cho.

Trời ơi! « Khen thay cũng thực vào giòng nhà ghen! » Mụ Hoạn giá có gặp tay cô cũng phải phục cô là ngay dì dề; vì cô không ghen

như mụ, cô chỉ ghen bằng một cách quê-mùa thế thôi. Cô vui lòng nhường chồng cho đấy, nhưng về nhà cô, trong một lúc phải thổi những chín nồi cơm lại nạo được quả mướp nữa, nghĩa là phải có mười tay mới làm nổi công-việc, thì cô mới nhường cho, còn không thì « liệu mà xa chạy cao bay, ái ân ta có ngần này mà thôi! »

Ghen nhẹ nhàng mà thâm-trầm như thế, thiết tưởng anh chồng cũng phải hối qua, mà kẻ tình địch cũng phải bẽn-lẽn lánh xa, không dám bén mảng lại nữa.

***

Nhưng công-việc của cô có phải chỉ ở những việc chúng tôi vừa mới kể trên này đâu. Cô còn có một việc rất quan-hệ, là thay chồng dậy lũ con, cho sau này chúng nên người có giáo-dục. Ý cô cũng nghĩ rằng *con hư tại mẹ, cháu hư tại bà*, cho nên dù có thương con đến cực điểm đi nữa, có lúc cũng phải mắng mỏ dặn bảo, khuyên ngăn, thúc giục lũ con. Cô khuyên con thế nào? Này đây, ta hãy nghe cô nói:

Con ơi! muốn nên thân người,
Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha,
Gái thì chăm chỉ trong nhà,
Khi vào canh cửi khi ra thêu-thùa.
Giai thì đọc sách, ngâm thơ,
Dùi mài kinh sử để chờ kịp khoa,
Mai sau nối được nghiệp nhà,
Trước là đẹp mặt, sau là hiển thân.

Đấy là cô dậy tất cả các con. Nhưng nói cho đúng sự thực, mà cũng là theo lẽ thường tình, cô dạy-bảo dìu-dắt con gái nhiều hơn là con giai. Con giai một phần giáo-dục ở người cha, chứ đối với con gái, cái trách-nhiệm giáo-dục hình như ở cô tất cả. Người cha đối với con gái chỉ trông nom qua loa thôi, thứ nhất là khi con gái đã lớn tuổi rồi; thảng hoặc có thất thố điều gì thì tội-lỗi lại quy cả vào vợ. Cô cũng yên trí rằng, đối với con gái, mình có nhiệm-vụ nặng-nề hơn chồng, cho nên, như trên này tôi vừa nói, cô trông-nom bắt-bẻ con gái từng ly từng tý. Vì đối với người con gái, chữ « Hạnh » là cần thứ nhất, nên chẳng mấy lúc mà không thấy cô dạy dỗ con những điều như:

Cá không ăn muối cả ương,
Con chê cha mẹ, trăm đường con hư.
. . . . . .
Tốt gỗ còn hơn tốt sơn,
Xấu người, đẹp nết, còn hơn đẹp người.

Thấy con đến tuổi cập kê, lúc nào cô cũng sợ con vì tình mà hóa ra đi lầm bước lạc. Cho nên luôn miệng cô nói:

Chớ nghe quân tử nói ròn,
Rồi mà có lúc ăm con một mình.
. . . . . .
Mồ cha con bướm khôn ngoan,
Hoa thơm bướm đậu, hoa tàn bướm bay;
. . . . . .
Hoa thơm mất nhị đi rồi,
Còn thơm đâu nữa mà người ước ao.
. . . . . .
Hoa thơm mất nhị đi rồi,
Dẫu rằng trang điểm cũng thời vô duyên.

Khi con đã có chồng, cô cũng vẫn còn lo; nên thỉnh-thoảng có gặp mặt, cô cũng không quên dặn rằng:

Theo cha, theo mẹ đã đành,
Theo đôi, theo lứa mới thành thất-gia;
. . . . . .
Vợ chồng là nghĩa già đời,
Ai ơi! chớ nghĩ những nhời thiệt hơn.
. . . . . .
Chồng giận, vợ phải làm lành,
Miệng cười hớn hở rằng anh giận gì.

Nếu con cô lấy chồng chỉ có bổn phận đối với chồng, thì dạy những câu như thế, thiết tưởng cũng được lắm rồi. Nhưng còn bổn-phận đối với cha mẹ chồng, nhất là đối với mẹ chồng mà lòng khắc-nghiệt với con dâu không mấy người không có. Làm trọn được bổn phận ấy mới thật là khó. Nếu con cô mà gặp được mẹ chồng hiền, thì cô chỉ dặn có một câu rằng: *dâu hiền nên gái dễ hiền nên giai*. Nhưng nếu gặp người mẹ chồng nghiệt, thì cô phải dặn cặn kẽ, từng ly từng tý, làm cho ta phải nhớ đến bài thơ sau này của một thi-sĩ đời Đường:

« Tam nhật, nhập trù hạ,
Tẩy thủ tác canh thang;
Vị am cô thực tính,
Tiên khiến tiểu-cô thường. »

Nghĩa là:

Lấy chồng vừa được ba ngày,
Rửa tay nấu chã canh đầy đem lên,
Mẹ chồng mặn nhạt chưa quen,
Cô em nếm hộ thử xem có vừa...

Có lẽ tác-giả bài thơ ấy cũng muốn dặn con đối với mẹ chồng phải cẩn thận mọi bề, việc nào cũng như nấu canh cho mẹ chồng ăn mới được. Nếu cẩn thận thế mà cũng chẳng được vừa ý mẹ chồng, thì bài học minh đã kinh nghiệm, hoặc tự thân mình kinh nghiệm bằng do chị em mình quen biết đã kinh nhiệm, cô sẽ đem ra mà yên ủi con rằng:

Chồng dữ thì em mới sầu,
Mẹ chồng có dữ giết trâu ăn mừng;
Chồng dữ thì con hãy lo,
Mẹ chồng có dữ giết bò ăn khao.

Con cô mà được như cô, thì cô cũng yên tâm. Nhưng ngộ gặp phải đứa con gái ngang ngạnh, có lúc cô cũng phải phát bẩn:

Nồi vỡ thì về cầu Vồm,
Con gái nỏ mồm về ở với cha.

Thiết tưởng những câu nói vừa dọa vừa có ý khuyên răn ấy, dù ngu ngốc đến thế nào, con cô cũng hiểu cái địa-vị của mình, mà kết lòng tu-tỉnh.

(Trích trong một bài diễn văn)

HẢI-TRẦN

TỦ SÁCH « TÂN VĂN HÓA »

= HÀN THUYÊN =

25 Juin có bán

VĂN HỌC

KHÁI-LUẬN

HÀN THUYÊN
71 Tiên Tsin
HANOI

Soạn giả : *ĐẶNG THAI MAI*

Văn học là gì các nhà văn sáng tác phải theo những nguyên tắc gì ? Nhà văn có quan hệ với xã hội ra sao ? Nhiệm vụ của nhà văn là gì ? Nhà văn có được quyền sống tự do, viết tự do không ? văn chương có cần phải giữ cốt tính quốc gia không ? Những thuộc-tính của một văn phẩm kiệt-tác là những gì ?

ĐÃ CÓ BÁN

XÃ HỘI VIỆT-NAM

của Lương đức Thiệp

Dày hơn 400 trang — Giá : 8$50

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC

SỬ LƯỢC

của **PHAN KHOANG**

Một bộ sách kê-cứu rõ ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất qui của biết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại :

Loại thường bán 6$90 cước 0$47

Loại đặc-biệt 15$60 cước 0$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

do Quảng-Vạn-Thành phát hành sắp in xong

ĐỜI ĐOÀN THỂ

của Hải-Tùng — « Tam-Hữu » xuất bản

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Sách dày ngót 130 trang giấy ta, có 17 mục : 1· Tư-đức và Công-đức — 2· Cá-nhân và Xã-hội — 3· Xã-hội và các loại xã-hội — 4· Xã hội muốn đứng vững và tiến bộ cần những điều kiện gì — 5· Quan-niệm về xã-hội của nước ta — 6· Vì đâu quan-niệm về xã-hội của người Việt-Nam không được chính sác ? — 7· Quan-niệm về xã-hội không được chính-sác gây ra những tệ-hại gì ? — 8· Người Việt-nam ngày nay nên có quan-niệm về xã-hội như thế nào ? — 9· Mấy nguyên tác chính nên chú ý vào khi ta muốn dựng một xã-hội chắc chắn. — 10· Tinh-thần hợp tác. — 11· Tinh-thần giữ kỷ-luật. — 12· Tinh-thần chịu trách-nhiệm và giữ trách-nhiệm — 13· Tôn trọng việc công và của công. — 14· Giữ lễ — 15· Làm việc cho xã-hội. — 16· Lòng bác-ái. — 17· Dùng cơ-quan nào dựng nên công-đức ở xã-hội ta. *Giá bán lẻ 2$00*

Vị nào gửi tiền mua trước ngày 30 Juin 1944, xin trừ 20% cước phí không phải chịu

Cùng các vị thân chủ Thư-quán, xin chú ý rằng những sách do *Quảng-vạn-Thành* phát hành đều là sách chọn lựa cẩn thận, vị nào muốn cần bao nhiêu xin kịp viết thư thương-lượng, không lại nhỡ như quyển *Văn liệu Từ-điển* năm ngoái, cô vị biết đến thì đã hết rồi.

Cùng các nhà văn. — « Tam-Hữu » bản cục chúng tôi, muốn công-hiến quốc-dân những sách có giá-trị, vậy trong hải nội quân-tử, vị nào có tác-phẩm gì — hoặc sáng tác, hoặc phiên-dịch, nhất về phổ-thông học-thức — xin cho biết, chúng tôi sẽ tìm đến, trân trọng cầu xin, lẽ tất nhiên không dám để phụ lòng những bậc văn-hào hạ cố tin yêu tới.

Mọi việc giao-dịch, xin do : Quảng - Vạn - Thành
16 phố Lê - Lợi Hanoi — 51 phố Doumer Haiphong

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phương

Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi